



(12) BẢN MÔ TẢ SÁNG CHẾ THUỘC BẢNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ

(19) Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (VN)
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

(11)



1-0041296

(51)^{2020.01} A47G 23/02; A45F 3/44

(13) B

(21) 1-2021-07950

(22) 10/12/2021

(30) 63/127,593 18/12/2020 US; 17/473,227 13/09/2021 US

(45) 25/10/2024 439

(43) 27/06/2022 411

(73) Michel Sales Company, Inc. (US)

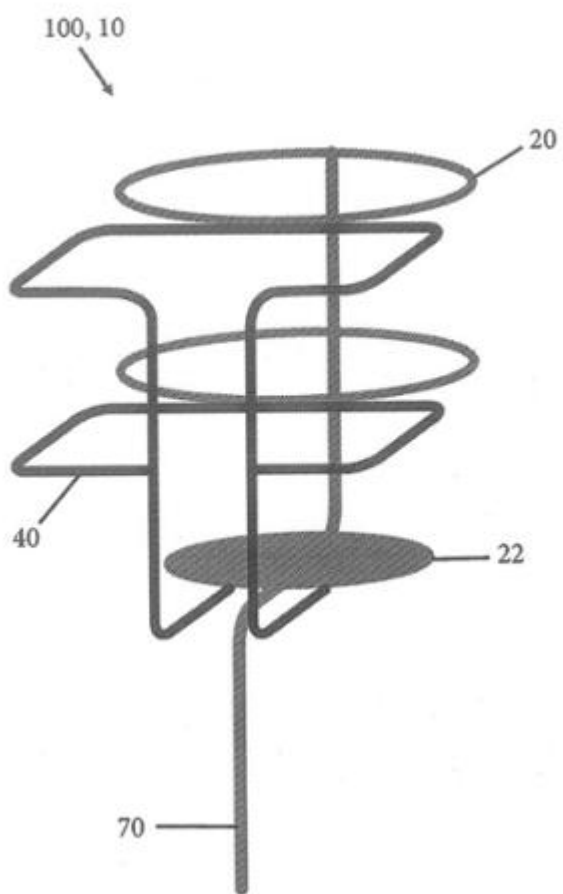
2301 Traffic Street NE, Minneapolis, MN 55432, United States of America

(72) Michael Coyne (US).

(74) Công ty TNHH Sáng chế ACTIP (ACTIP PATENT LIMITED)

(54) GIÁ GIỮ ĐỒ UỐNG

(57) Sáng chế đề cập đến giá giữ đồ uống bao gồm ngăn chứa đồ uống, ngăn chứa phụ kiện, và trục chính. Ngăn chứa đồ uống tạo thành khối hình trụ và bao gồm đế phẳng để đỡ hộp đồ uống, đế phẳng có hình dạng tròn có đường kính thứ nhất; cánh tay thứ nhất có đường kính thứ hai và ít nhất một phần bao quanh khối hình trụ; và khung chính nối đế và cánh tay. Ngăn chứa phụ kiện tạo thành khối hình chữ nhật và được liên kết với đế và với cánh tay thứ nhất của ngăn chứa đồ uống. Trục chính bao gồm đoạn thứ nhất được nối với đế, và đoạn thứ hai có đầu nhọn để cố định giá giữ đồ uống vào trong đất tại đó các đoạn thứ nhất và thứ hai được nối bằng đoạn ren.



Lĩnh vực kỹ thuật được đề cập

Sáng chế đề cập đến giá đỡ đồ uống, cụ thể hơn là sáng chế đề cập đến giá giữ đồ uống gồm có ngăn chứa đồ uống và ngăn chứa phụ kiện được bố trí cạnh nhau.

Tình trạng kỹ thuật của sáng chế

Các cuộc hội họp xã hội ngoài trời trong thời tiết ấm áp thường tổ chức ăn và uống. Vì vậy, cần phải có giá giữ đồ uống có ngăn chứa đồ uống và ngăn chứa phụ kiện được bố trí cạnh nhau.

Bản chất kỹ thuật của sáng chế

Theo một số phương án, giá giữ đồ uống bao gồm ngăn chứa đồ uống và ngăn chứa phụ kiện được bố trí cạnh nhau; ngăn chứa đồ uống tạo thành khối hình trụ và bao gồm: đế phẳng để đỡ hộp đồ uống, đế phẳng có hình dạng tròn với đường kính thứ nhất; cánh tay thứ nhất có đường kính thứ hai và ít nhất một phần bao quanh khối hình trụ; và khung chính nối đế và cánh tay; ngăn chứa phụ kiện tạo thành khối hình chữ nhật và được liên kết với đế và với cánh tay thứ nhất của ngăn chứa đồ uống; và trục chính gồm có đoạn thứ nhất được nối với đế, và đoạn thứ hai có đầu nhọn để cố định giá giữ đồ uống vào trong đất tại đó các đoạn thứ nhất và thứ hai có thể được nối bằng đoạn ren.

Theo khía cạnh khác, giá giữ đồ uống bao gồm ngăn chứa đồ uống và ngăn chứa phụ kiện được bố trí cạnh nhau: ngăn chứa đồ uống tạo thành khối hình trụ, có chiều cao thứ nhất, và bao gồm: đế phẳng để đỡ hộp đồ uống, đế phẳng với hình dạng tròn có đường kính; cánh tay thứ nhất được bố trí bên trên đế phẳng; cánh tay thứ hai được bố trí bên trên cánh tay thứ nhất, trong đó chiều cao thứ nhất được đo từ đế phẳng đến cánh tay thứ hai; khung chính nối đế và các cánh tay thứ nhất và thứ hai, khung chính bao gồm: đoạn uốn cong thứ nhất kéo dài giữa đoạn thứ nhất của trục chính và đoạn nằm ngang của khung chính, tại đó đoạn nằm ngang kéo dài bên dưới, và được liên kết với đế; và đoạn uốn cong thứ hai kéo dài giữa đoạn nằm ngang và đoạn thẳng đứng, đoạn thẳng đứng được liên kết với các cánh tay thứ nhất và thứ hai của ngăn chứa đồ uống; ngăn chứa phụ kiện tạo thành khối hình chữ nhật, có chiều cao thứ hai bằng với chiều cao thứ nhất, tại đó ngăn chứa phụ kiện được liên kết với đế phẳng, cánh tay thứ nhất, và cánh tay thứ hai của ngăn chứa đồ uống; và trục chính bao gồm: đoạn thứ nhất được

nối với đế và đoạn thứ hai có đầu nhọn để cố định giá giữ đồ uống vào trong đất, tại đó các đoạn thứ nhất và thứ hai được nối bằng đoạn ren.

Theo khía cạnh khác, giá giữ đồ uống bao gồm ngăn chứa đồ uống và ngăn chứa phụ kiện được bố trí cạnh nhau: ngăn chứa đồ uống có chiều cao thứ nhất, tạo thành khối hình trụ, và bao gồm: đế phẳng để đỡ hộp đồ uống, đế phẳng với hình dạng tròn có đường kính; cánh tay thứ nhất được bố trí bên trên đế phẳng; cánh tay thứ hai được bố trí bên trên cánh tay thứ nhất, trong đó chiều cao thứ nhất được đo từ đế phẳng đến cánh tay thứ hai; và khung chính nối đế và cánh tay, khung chính bao gồm: đoạn uốn cong thứ nhất kéo dài giữa đoạn thứ nhất của trục chính và đoạn nằm ngang của khung chính, đoạn nằm ngang kéo dài bên dưới, và được nối với đế; và đoạn uốn cong thứ hai kéo dài giữa đoạn nằm ngang và đoạn thẳng đứng, đoạn thẳng đứng được nối với các cánh tay thứ nhất và thứ hai của ngăn chứa đồ uống; ngăn chứa phụ kiện tạo thành khối hình chữ nhật, có chiều cao thứ hai nhỏ hơn chiều cao thứ nhất, và bao gồm đáy với phần hình chữ U có chiều sâu, tại đó ngăn chứa phụ kiện được liên kết với đế phẳng và cánh tay thứ nhất của ngăn chứa đồ uống; và trục chính bao gồm đoạn thứ nhất được nối với đế và đoạn thứ hai có đầu nhọn để cố định giá giữ đồ uống vào trong đất, tại đó các đoạn thứ nhất và thứ hai được nối bằng đoạn ren.

Mô tả văn tắt các hình vẽ

Phần mô tả sau đây sẽ mô tả các phương án minh họa mà không bị giới hạn và không bao gồm tất cả khía cạnh. Tham chiếu được thực hiện với các phương án minh họa được thể hiện trên các hình vẽ, trong đó:

- Fig.1 là hình phối cảnh của giá giữ đồ uống theo một số phương án của sáng chế;
- Fig.2 là hình phối cảnh của ngăn chứa đồ uống của giá giữ đồ uống trên Fig.1;
- Fig.3 là hình phối cảnh của ngăn chứa phụ kiện của giá giữ đồ uống trên Fig.1;
- Fig.4 là hình chiếu bằng của giá giữ đồ uống trên Fig.1;
- Fig.5 là hình chiếu đứng của giá giữ đồ uống trên Fig.1;
- Fig.6 là hình chiếu nhìn từ phía sau của giá giữ đồ uống trên Fig.1;
- Fig.7 là hình chiếu cạnh của giá giữ đồ uống trên Fig.1;
- Fig.8 là hình chiếu cạnh của giá giữ đồ uống theo một số phương án của sáng chế;

Fig.9 là hình chiếu bằng của giá giữ đồ uống trên Fig.8;

Fig.10 là hình chiếu đứng của giá giữ đồ uống trên Fig.8;

Fig.11 là hình chiếu nhìn từ phía sau của giá giữ đồ uống trên Fig.8;

Fig.12 là hình chiếu cạnh của giá giữ đồ uống theo một số phương án của sáng chế;

Fig.13 là hình chiếu cạnh của giá giữ đồ uống theo một số phương án của sáng chế;

Fig.14A và Fig.14B là các hình vẽ minh họa trực chính của giá giữ đồ uống theo một số phương án của sáng chế;

Fig.15A và Fig.15B là các hình chiếu bằng của các cánh tay theo một số phương án của sáng chế;

Fig.16 là hình phối cảnh của khung chính theo một số phương án của sáng chế;

Fig.17 là hình chiếu cạnh của giá giữ đồ uống theo một số phương án của sáng chế;

Fig.18 là hình chiếu bằng của giá giữ đồ uống trên Fig.17;

Fig.19 là hình chiếu nhìn từ phía sau của giá giữ đồ uống trên Fig.17;

Fig.20 là hình chiếu cạnh của bộ phận lắp cho giá giữ đồ uống theo một số phương án của sáng chế;

Fig.21 là hình chiếu cạnh của bộ phận điều chỉnh ở dạng bulông theo một số phương án của sáng chế;

Fig.22 là hình vẽ minh họa hình dạng ví dụ của tấm cho bộ phận lắp theo một số phương án của sáng chế;

Fig.23 là hình chiếu bằng của giá giữ đồ uống có bộ phận lắp theo một số phương án của sáng chế;

Fig.24 là hình chiếu cạnh của giá giữ đồ uống trên Fig.23; và

Fig.25 là hình chiếu nhìn từ phía sau của giá giữ đồ uống trên Fig.23.

Mô tả chi tiết sáng chế

Việc ăn, uống, nói chuyện, và chơi thể thao là các hoạt động phổ biến của các cuộc hội họp xã hội ngoài trời. Tuy nhiên, việc giữ đồ uống và/hoặc các món phụ kiện trong khi tham gia hoạt động có thể là vấn đề khó giải quyết. Giá giữ đồ uống 10 được bộc lộ

ở đây giúp họ rảnh tay sao cho họ có thể tham gia hoạt động ngoài trời, ví dụ, chơi trò chơi, ăn, uống, nói chuyện với người khác, hoặc ngủ, và để đồ uống và/hoặc phụ kiện của họ gần và trên đất. Các giá giữ đồ uống 10 được mô tả ở đây có ngăn chứa đồ uống 20 và ngăn chứa phụ kiện 40 (tham chiếu các hình vẽ Fig.1, Fig.8, Fig.12, Fig.13, Fig.17, và Fig.23).

Giá giữ đồ uống 10 có chiều cao H và chiều rộng W (tham chiếu trên Fig.7). Theo một số phương án, giá giữ đồ uống có phạm vi chiều cao H trong khoảng từ 3 inso (7,62 cm) đến 10 inso (25,4 cm) và chiều rộng W khoảng 4 inso (10,16 cm) đến khoảng 11 inso (27,94 cm).

Mặc dù các giá giữ đồ uống 10 được thể hiện trên Fig.1 đến Fig.13, Fig.17, và Fig.23 có ngăn chứa đồ uống 20 và ngăn chứa phụ kiện 40 được bố trí cạnh nhau theo hướng ngang, có thể có các vị trí thay thế. Ví dụ, ngăn chứa đồ uống và ngăn chứa phụ kiện có thể được bố trí cạnh nhau theo hướng thẳng đứng (các vị trí thẳng đứng khác nhau trên cùng một phía của trục chính 70), hoặc tại cùng vị trí thẳng đứng trên trục chính 70 không được bố trí đối diện nhau, ví dụ, ngăn chứa đồ uống có thể ở góc 90° so với ngăn chứa phụ kiện. Tùy thuộc vào các vị trí của ngăn chứa đồ uống 20 và ngăn chứa phụ kiện trên trục chính 70, giá giữ đồ uống 10 có thể bao gồm đối trọng. Lợi thế của việc bố trí ngăn chứa đồ uống và ngăn chứa phụ kiện cạnh nhau theo hướng ngang ở chỗ cả hai ngăn chứa đều dễ dàng tiếp cận.

Theo một số phương án, ngăn chứa đồ uống 20 và ngăn chứa phụ kiện 40 được kết nối với nhau bằng các cánh tay 32, 48 của chúng (tham chiếu trên Fig.1 và Fig.23). Trong các phương án khác của giá giữ đồ uống, ngăn chứa đồ uống và ngăn chứa phụ kiện không được nối với nhau bằng các cánh tay của chúng. Ví dụ, khung chính 24 có thể nối ngăn chứa đồ uống và ngăn chứa phụ kiện (tham chiếu trên Fig.18). Trong ít nhất một phương án khác, để bao gồm đối trọng để cân bằng trọng lượng của phụ kiện dự định được đặt vào trong ngăn chứa phụ kiện.

Giá giữ đồ uống 10 được mô tả ở đây có thể được làm bằng bất kỳ vật liệu thích hợp nào, ví dụ, thép. Trong một ví dụ, giá giữ đồ uống 10 được sản xuất bằng cấu trúc thép hàn. Các bộ phận của giá giữ đồ uống 10 được mô tả ở đây có thể có hình dạng mặt cắt ngang phù hợp, ví dụ, hình tròn, hình vuông, và/hoặc hình chữ nhật. Trong một ví dụ, giá giữ đồ uống được làm bằng các thanh thép có đường kính khoảng 0,125 inso

(3,175 mm).

Giá giữ đồ uống 10 như được mô tả ở đây có thể nguyên khối hoặc liền khối, ví dụ, được làm bằng một đoạn vật liệu duy nhất, hoặc làm từ nhiều đoạn vật liệu. Do đó, khi hai hoặc nhiều bộ phận được liên kết, điều này có nghĩa là các phần là một hoặc liền khối. Theo một số phương án, một đoạn vật liệu tạo thành cả ngăn chứa đồ uống 20 và ngăn chứa phụ kiện 40. Theo các phương án khác, nhiều hơn một đoạn vật liệu tạo ra giá giữ đồ uống 20. Bất kỳ phương tiện phù hợp nào có thể được sử dụng để nối hoặc gắn các bộ phận hoặc đoạn vật liệu. Ví dụ về một phương tiện thích hợp là hàn.

A. Ngăn chứa đồ uống

Ngăn chứa đồ uống 20 tạo thành khối hình trụ được định kích thước để chứa và giữ hộp đồ uống, ví dụ, bình, chai, hoặc cốc (tham chiếu trên Fig.2). Ngăn chứa đồ uống 20 có chiều cao H1 và đường kính D1 (tham chiếu trên các Fig.7, Fig.8 và Fig.10). Chiều cao của ngăn chứa đồ uống có thể nhỏ hơn chiều cao của hộp đồ uống dự tính để người dùng có thể dễ dàng đưa/lấy hộp đồ uống vào/ra khỏi ngăn chứa đồ uống. Theo một số phương án, chiều cao H1 trong khoảng từ 4 inơ (10,16 cm) đến khoảng 6 inơ (15,24 cm) và đường kính D1 trong khoảng từ 3 inơ (7,62 cm) đến khoảng 4 inơ (10,16 cm). Theo các phương án khác, chiều cao H1 trong khoảng từ 1,5 inơ (3,81 cm) đến khoảng 6 inơ (15,24 cm) và đường kính D1 trong khoảng từ 3 inơ (7,62 cm) đến khoảng 6 inơ (15,24 cm).

Trong ít nhất một phương án khác, ngăn chứa đồ uống 20 có đế 22 phẳng (tham chiếu trên các Fig.2, Fig.8, Fig.12, Fig.13, Fig.17, và Fig.23). Đế 22 được tạo cấu trúc để đỡ hộp đồ uống. Đế có thể có hình dạng phù hợp. Theo một số phương án, đế 22 là tròn (tham chiếu trên các Fig.4, Fig.9, Fig.17, và Fig.23). Đế có thể là đoạn vật liệu đặc hoặc lưới. Theo một số phương án, đế 22 kéo dài giữa và được liên kết với khung chính 24 và với ngăn chứa phụ kiện 40 (tham chiếu trên các Fig.1 và Fig.8). Đế 22 có đường kính BD đủ rộng để đỡ hộp đồ uống dự tính. Theo một số phương án, đường kính BD trong khoảng từ 3 inơ (7,62 cm) đến khoảng 3¼ inơ (8,255 cm). Theo các phương án khác, đường kính BD là ít nhất 2 inơ (12,7 cm).

Trong ít nhất một phương án khác, ngăn chứa đồ uống 20 còn bao gồm ít nhất một cánh tay 32. Theo một số phương án, cánh tay 32 có đầu thứ nhất 36a được nối với khung chính 24 và đầu thứ hai 36b được nối với khung chính 24 sao cho cánh tay 32

bao quanh khối hình trụ được xác định bởi ngăn chứa đồ uống 20 (tham chiếu trên các Fig.1, Fig.8, và Fig.12- Fig.13). Theo một số phương án, các đầu thứ nhất 36a và thứ hai 36b của cánh tay 32 được nối với cùng vị trí thẳng đứng dọc theo khung chính 24 (tham chiếu trên các Fig.1 và Fig.8). Trong các phương án này, cánh tay 32 song song với đế 22.

Theo các phương án khác, các đầu thứ nhất và thứ hai của cánh tay 32 có thể được nối với các vị trí thẳng đứng khác nhau dọc theo khung chính. Ví dụ, các đầu của cánh tay hình chữ U sẽ được nối với các vị trí khác nhau dọc theo khung chính 24. Các Fig.15A và Fig.15B thể hiện một số ví dụ của các cánh tay 32 hình chữ U. Cánh tay 32 hình chữ U có đoạn giữa 47 có thể thẳng hoặc uốn cong (tham chiếu trên các Fig.15A- Fig.15B). Hai cánh tay 32 hình chữ U có thể được liên kết bằng các đoạn giữa 47 của chúng sao cho chúng bao quanh khối hình trụ được xác định bởi ngăn chứa đồ uống 20 (tham chiếu trên Fig.18).

Theo các phương án khác, cánh tay 32 bao quanh một phần khối hình trụ được xác định bởi ngăn chứa đồ uống 20. Ví dụ, đầu thứ nhất của cánh tay có thể được nối với khung chính và đầu thứ hai của cánh tay có thể được nối với ngăn chứa phụ kiện. Trong ví dụ khác, ngăn chứa đồ uống 20 có hai cánh tay 32 hình chữ U trong đó mỗi cánh tay bao quanh một phần khối hình trụ được xác định bởi ngăn chứa đồ uống 20.

Đế 22 và các cánh tay 32 có thể tách biệt bởi cùng khoảng cách hoặc bởi các khoảng cách khác nhau. Đường kính AD được xác định bởi các cánh tay 32 có thể bằng với hoặc lớn hơn đường kính BD của đế 22. Các cánh tay 32 có thể xác định đường kính AD trong khoảng từ 3 in (7,62 cm) đến khoảng 4 in (10,16 cm).

Theo một số phương án, ngăn chứa đồ uống 20 còn bao gồm ít nhất một khung chính 24. Trong ít nhất một phương án khác, khung chính 24 nối đế 22 và các cánh tay 32. Khung chính 24 có thể thẳng hoặc cong. Trong một ví dụ, khung chính 24 cong bao gồm đoạn thẳng đứng 26 và đoạn nằm ngang 28 được nối bởi đoạn cong 30 (tham chiếu trên Fig.16). Trong ví dụ khác, khung chính 24 cong bao gồm đoạn cong 30 nối hai đoạn thẳng tương ứng (tham chiếu trên Fig.17). Theo một số phương án, đoạn nằm ngang 28 của khung chính 24 kéo dài bên dưới đế 22. Theo một số phương án, khung chính 24 có thể là phần kéo dài của trục chính 70. Trong các phương án này, ngăn chứa đồ uống 20 và bộ phận cố định, trục chính 70 tạo liền khối. Theo các phương án khác, ngăn chứa đồ

uống 20 không bao gồm khung chính (tham chiếu trên Fig.24).

Theo một số phương án, ngăn chứa đồ uống 20 là nguyên khối, tức là, được tạo ra bằng một đoạn vật liệu duy nhất. Theo các phương án khác, ngăn chứa đồ uống 20 được tạo ra bằng ít nhất hai đoạn vật liệu. Ví dụ, khung chính 24 và các cánh tay 32a, 32b có thể là một đoạn vật liệu và đế 22 là đoạn vật liệu khác.

B. Ngăn chứa phụ kiện

Ngăn chứa phụ kiện 40 tạo thành khối hình chữ nhật được định kích thước để chứa và giữ món phụ kiện chẳng hạn như điện thoại, máy tính bảng, máy đọc sách điện tử, sách, ví và/hoặc chìa khóa. Ngăn chứa phụ kiện 40 có thể có chiều cao H2 bằng với, lớn hơn, hoặc nhỏ hơn chiều cao H1 của ngăn chứa đồ uống 20. Chiều cao H2 có thể lớn hơn chiều rộng W2 (tham chiếu trên các Fig.5 và Fig.10). Ngăn chứa phụ kiện 40 có chiều cao H2 trong khoảng từ 1 in (2,54cm) đến khoảng 10 in (25,4 cm), chiều rộng W2 trong khoảng từ 2 in (5,08 cm) đến khoảng 7 in (17,78 cm), và/hoặc xác định chiều sâu bên trong D2b trong khoảng từ 2 in (5,08 cm) đến khoảng 1,5 in (3,81 cm). Ví dụ, chiều sâu của ngăn phụ kiện là $D2b + 2 \times (\text{độ dày của cánh tay 48})$ (tham chiếu trên các Fig.4 và Fig.9).

Theo một số phương án, ngăn chứa phụ kiện 40 là nguyên khối, tức là, được tạo ra bằng một đoạn vật liệu duy nhất. Theo các phương án khác, ngăn chứa phụ kiện 40 được tạo ra bằng ít nhất hai đoạn vật liệu. Ví dụ, chi tiết đỡ nằm ngang 42, các đoạn 50 và cánh tay 48b có thể là một đoạn vật liệu và cánh tay 48a là đoạn vật liệu khác (tham chiếu trên Fig.3).

B.1. Phương án ngăn chứa phụ kiện thứ nhất

Theo một số phương án, ngăn chứa phụ kiện 40 bao gồm ít nhất một chi tiết đỡ nằm ngang 42, ít nhất một cánh tay 48, và ít nhất một đoạn 50 (tham chiếu trên các Fig.1, Fig.8, và Fig.17). Đoạn 50 có thể kéo dài thẳng đứng, như thể hiện trên Fig.8 hoặc ở góc không thẳng đứng, như thể hiện trên Fig.17. Theo một số phương án, ngăn chứa phụ kiện 40 có hai các chi tiết đỡ nằm ngang 42. Các chi tiết đỡ nằm ngang 42 có thể tách với nhau bằng khoảng cách W2b trong khoảng 0,5 in (1,27 cm) đến khoảng 2 in (5,08 cm). Các chi tiết đỡ nằm ngang 42 có thể song song với nhau hoặc không song song. Theo một số phương án, các chi tiết đỡ nằm ngang 42 thẳng (tham chiếu trên

các Fig.3 và Fig.7). Theo các phương án khác, các chi tiết đỡ nằm ngang 42 uốn cong. Ví dụ, chi tiết đỡ nằm ngang 42 có thể gồm có phần hình chữ U 44 có chiều sâu D2a (tham chiếu trên các Fig.8 và Fig.17). Chiều sâu D2a của phần hình chữ U 44 có thể nằm trong khoảng từ 0,5 inơ (1,27 cm) đến khoảng 1 inơ (2,54 cm). Phần hình chữ U 44 có thể có hình dạng cong hoặc dạng hình vuông.

Theo một số phương án, cánh tay 48 kéo dài từ đoạn thứ nhất 50a đến đoạn thứ hai 50b (tham chiếu trên các Fig.1 và Fig.8). Các cánh tay 48 có thể có hình dạng phù hợp để giữ/chứa phụ kiện. Ví dụ, khi nhìn từ trên xuống, các cánh tay 48 có dạng hình chữ nhật (tham chiếu trên các Fig.4 và Fig.18) hoặc các cánh tay 48 hình chữ U như thể hiện trên các Fig.15A-Fig.15B. Các cánh tay 48 có thể xác định chiều rộng bên trong IW (chiều rộng của khối hình chữ nhật) trong khoảng 2,5 inơ (6,35 cm) đến khoảng 6,5 inơ (16,51 cm). Trong ít nhất một phương án khác, các cánh tay 48 có chiều sâu nhỏ hơn chiều sâu của chi tiết đỡ nằm ngang 42 (tham chiếu trên các Fig.7 và Fig.8).

B.2. Phương án ngăn chứa phụ kiện thứ hai

Theo các phương án khác, ngăn chứa phụ kiện 40 là hộp 54 (tham chiếu trên các Fig.12-Fig.13). Hộp 54 có thành trước 56, thành sau 58, các thành bên, và đáy 60 (tham chiếu trên các Fig.12- Fig.13). Đỉnh của hộp 54 có thể để mở hoặc có nắp đậy. Đáy 60 của hộp 54 có thể là vật liệu đặc, có thể gồm có một hoặc nhiều lỗ, hoặc có thể được tạo bằng ít nhất một chi tiết đỡ nằm ngang. Lợi thế của việc có đáy 60 với ít nhất một lỗ, hoặc được tạo bởi các chi tiết đỡ là để chất lỏng có thể thoát khỏi hộp 54 và/hoặc tạo sự lưu thông không khí trong hộp 54. Đáy 60 hộp có thể phẳng hoặc có thể gồm có phần hình chữ U có chiều sâu D2a trong khoảng từ 0,5 inơ (1,27 cm) đến khoảng 1 inơ (2,54 cm) (tham chiếu trên các Fig.12- Fig.13).

Hộp 54 có thể được nối với đế 22 và/hoặc cánh tay 32 của ngăn chứa đồ uống 20. Theo một số phương án, hộp 54 được nối bởi ít nhất một chi tiết đỡ nằm ngang 42. Chi tiết đỡ nằm ngang 42 có thể là phần kéo dài của đáy 60 của hộp 54 (ví dụ, các phương án tại đó các chi tiết đỡ nằm ngang 42 tạo thành đáy 60) hoặc đoạn vật liệu khác nối đáy 60 của hộp 54 với đế 22. Theo một số phương án, các chi tiết đỡ nằm ngang kéo dài ít nhất bên dưới một phần đáy 60 của hộp 54 và bên dưới một phần đế 22.

Các thành trước 56 và sau 58 có thể được làm bằng vật liệu đặc hoặc lưới. Chiều cao của thành sau 58 có thể bằng với hoặc lớn hơn chiều cao của thành trước 56. Chiều

cao các thành trước 56 và sau 58 có thể trong khoảng từ 1 inơ (2,54 cm) đến khoảng 10 inơ (25,4 cm). Các thành trước 56 và sau 58 có thể tách khỏi nhau bởi khoảng cách D2b trong khoảng từ 0,5 inơ (1,27 cm) đến khoảng 3 inơ (7,62 cm).

Các thành bên có thể được làm bằng vật liệu đặc, lưới, hoặc ít nhất một chi tiết đỡ nằm ngang (để đơn giản, thành bên được loại bỏ khỏi hình chiếu cạnh trên Fig.12-Fig.13). Các thành bên được tách với nhau bởi chiều rộng bên trong IW trong khoảng 1,5 inơ (3,81 cm) đến khoảng 6,5 inơ (16,51 cm) (kích thước IW như thể hiện trên các Fig.4 và Fig.9).

C. Các bộ phận cố định

Giá giữ đồ uống 10 như được mô tả ở đây ít nhất một bộ phận cố định được tạo cấu trúc để cho phép truy cập rảnh tay vào hộp đồ uống đang được giữ bởi giá giữ đồ uống 10. Ví dụ, bộ phận cố định có thể được tạo cấu trúc để cắm giá giữ đồ uống vào trong đất hoặc để gắn giá giữ đồ uống vào vật khác. Theo cách này, các tay của người dùng được tự do làm việc khác. Theo một số phương án, giá giữ đồ uống 10 có bộ phận cố định. Theo các phương án khác, giá giữ đồ uống 10 có hai bộ phận cố định.

C1. Trục chính

Một số giá giữ đồ uống 10 được mô tả ở đây có trục chính 70 với ít nhất một đầu nhọn 72 để cắm giá giữ đồ uống 10 vào trong đất (tham chiếu trên Fig.14A). Theo một số phương án, trục chính 70 có kiểu dáng chữ h có hai đầu nhọn 72 (tham chiếu trên Fig.14A). Các cấu trúc thay thế của trục chính 70 được dự tính. Ví dụ, trong một ví dụ, trục chính có bốn đầu nhọn được định vị tại các góc của hình vuông. Trong ví dụ khác, trục chính có ba đầu nhọn được định vị tại các góc của hình tam giác. Trong các phương án này, các đầu nhọn được phân bố đều quanh trục chính. Theo các phương án khác, các đầu nhọn có thể được phân bố không đều quanh trục chính.

Trục chính 70 có thể nguyên khối hoặc được tạo từ các phần có thể được kết nối. Ví dụ, trục chính 70 có thể được tạo từ hai phần 74a, 74b mà được lắp/tháo rời bằng ren (tham chiếu trên các Fig.14A-Fig.B). Các phương tiện khác có thể được sử dụng để lắp/tháo rời các phần 74 của trục chính 70. Lợi thế của việc tạo hình trục chính 70 bằng các phần 74 có thể kết nối là ở chỗ chiều dài của giá giữ đồ uống 10 có thể giảm xuống để vận chuyển dễ dàng.

C2. Bộ phận lắp

Một số giá giữ đồ uống 10 được mô tả ở đây có bộ phận lắp 80 để cố định giá giữ đồ uống với đồ vật khác chẳng hạn như ghế, ghế dài, bàn, lan can, hoặc hàng rào. Theo một số phương án, bộ phận lắp được gắn với ngăn chứa đồ uống 20 và/hoặc với ngăn chứa phụ kiện 40 (tham chiếu trên Fig.24). Theo các phương án khác, bộ phận lắp 80 được tạo liền khối với ngăn chứa đồ uống.

Theo một số phương án, bộ phận lắp 80 được đặt lệch sang một bên khỏi ngăn chứa đồ uống 20. Ví dụ, phía bên trái của ngăn chứa đồ uống 20 có thể được định vị bên phải phía bên trái của bộ phận lắp 80, như thể hiện trên Fig.24. Theo các phương án khác, bộ phận lắp 80 có thể được định vị bên dưới ngăn chứa đồ uống 20 và được định kích thước sao cho các mặt bên của bộ phận lắp không kéo dài ra khỏi các mặt bên của ngăn chứa đồ uống và ngăn chứa phụ kiện.

Bộ phận lắp 80 có thể có bất kỳ cấu trúc thích hợp nào để cố định giá giữ đồ uống 10 với đồ vật khác. Theo một số phương án, bộ phận lắp 80 được thiết kế để đồ vật được định vị giữa hai bộ phận của bộ phận lắp 80. Ví dụ, bộ phận lắp có thể là kẹp. Trong ít nhất một phương án khác, bộ phận lắp 80 bao gồm đai kẹp 81 và bộ phận cố định/điều chỉnh 84 (tham chiếu trên Fig.20). Bất kỳ bộ phận cố định/điều chỉnh thích hợp nào có thể được sử dụng. Theo một số phương án, bộ phận cố định 84 di chuyển tương đối với đai kẹp 80. Khi sử dụng, bộ phận cố định 84 được điều chỉnh cho đến khi đồ vật được giữ cố định chặt giữa bộ phận cố định 84 và đai kẹp 81.

Trong ít nhất một phương án khác, đai kẹp 81 có ít nhất ba mặt và tạo thành khối (tham chiếu trên Fig.20). Theo một số phương án, đai kẹp 81 là hình chữ U hoặc chữ C. Các mặt có thể đặc hoặc tạo ra ít nhất một khoảng mở. Theo một số phương án, mặt có một khoảng mở có thể được tạo ra bởi ít nhất một đoạn của chi tiết 82 (tham chiếu trên Fig.25). Trong ít nhất một phương án khác, đai kẹp 81 ba mặt được tạo bởi một chi tiết 82 có đoạn đỉnh 82a, đoạn bên 82b, và đoạn tạo thành đáy 82c. Theo một số phương án, các đoạn bên 82b vuông góc với đoạn đỉnh 82a và với đoạn đáy 82c. Trong một phương án, đoạn đỉnh 82a và đoạn đáy 82c là hình chữ U và các đoạn bên 82b song song với nhau. Trong ít nhất một phương án khác, đoạn đỉnh 82a là phần kéo dài của bộ phận khác của giá giữ đồ uống. Ví dụ, đoạn đỉnh 82a có thể được tạo liền khối với ngăn chứa phụ kiện 40 bởi vì đoạn đỉnh 82a là phần mở rộng của các chi tiết đỡ nằm ngang 42 của

ngăn chứa phụ kiện 40 (tham chiếu trên Fig.24). Trong các phương án này, chi tiết 82 tạo thành mặt bên và đáy của đai kẹp và mặt bên của đai kẹp được gắn vào các chi tiết đỡ nằm ngang 42.

Trong ít nhất một phương án khác, đai kẹp 81 bao gồm ít nhất một tấm đai kẹp 83. Theo một số phương án, đai kẹp 81 có tấm đai kẹp dưới 83a và tấm đai kẹp trên 83b (tham chiếu trên Fig.20). Trong một phương án, kích thước của các tấm đai kẹp 83 là nhỏ hơn diện tích được xác định bởi đai kẹp 81 (tham chiếu trên Fig.20). Theo một số phương án, các tấm đai kẹp dưới 83a và trên 83b được gắn vào bề mặt trong của chi tiết 82. Theo một số phương án, tấm đai kẹp dưới 83a tạo thành khoảng mở cho bộ phận điều chỉnh 84.

Ví dụ của bộ phận cố định/điều chỉnh 84 có thể được sử dụng trong bộ phận lắp 80 được thể hiện trên Fig.21. Bộ phận cố định/điều chỉnh theo phương án này bao gồm tay cầm/đầu 85 có chiều cao SH1, tấm 88 có chiều cao SH3, và trục chính 86 có ren xoắn ốc 87 và chiều cao SH2 kéo dài giữa và nối tay cầm 85 và tấm 88. Tấm 88 bao gồm hốc chứa cho trục chính 86 và có chiều rộng SW. Theo một số phương án, tay cầm/đầu 85 được tạo cấu trúc để quay nhằm điều chỉnh khoảng cách giữa tấm 88 và tấm đai kẹp trên 83b. Trong một ví dụ, chiều cao SH1 là 0,5 in (1,27 cm), chiều cao SH2 là 1,125 in (2,8575 cm), chiều cao SH3 là 0,5 in (1,27 cm), và chiều rộng SW là 2,125 in (5,3975 cm).

Ví dụ về hình dạng của tấm đai kẹp 83 và/hoặc tấm 88 được thể hiện trên Fig.22 tại đó tấm đai kẹp 83 hoặc tấm 88 có chiều rộng PW1 và chiều sâu PD1. Trong ít nhất một phương án khác, tấm đệm/lớp phủ 89 được bố trí trên bề mặt bất khớp của tấm đai kẹp trên 83b và/hoặc tấm 88. Tấm đệm/lớp phủ 89 có thể bao phủ một phần hoặc toàn bộ tấm đai kẹp trên 83b, tấm 88. Theo một số phương án, tấm đệm/lớp phủ 89 được tạo cấu trúc để ngăn/giảm thiểu hư hại cho đồ vật mà giá giữ đồ uống 10 được gắn. Bất kỳ vật liệu thích hợp nào có thể được sử dụng cho tấm đệm/lớp phủ 89. Một ví dụ của vật liệu thích hợp là cao su.

Trong ít nhất một phương án khác, bộ phận lắp 80 bao gồm hốc chứa cho trục chính được tạo cấu trúc để cắm vào trong đất (không được thể hiện trên hình vẽ). Ví dụ, hốc chứa có thể được tạo cấu trúc để giữ đầu ren của trục chính có ít nhất một đầu nhọn ở đầu còn lại. Ví dụ, phần 74a của trục chính 70 có thể được chèn vào trong hốc chứa

của bộ phận lắp.

E. Các ví dụ

Các ví dụ minh họa của giá giữ đồ uống 10 được mô tả bên trên được cung cấp sau đây trong các ví dụ không bị giới hạn.

Ví dụ 1

Fig.1 đến Fig.7 và Fig.16 thể hiện ví dụ thứ nhất 100 của giá giữ đồ uống 10 với ngăn chứa đồ uống 20 và ngăn chứa phụ kiện 40. Ngăn chứa đồ uống 20 và ngăn chứa phụ kiện 40 được bố trí cạnh nhau và có cùng chiều cao H1, H2. Trong một phương án cụ thể của ví dụ 100, giá giữ đồ uống 10 có chiều cao H1, H2 khoảng 4 inơ (10,16 cm), và chiều rộng W khoảng 4,75 inơ (12,065 cm). Mỗi ngăn chứa đồ uống 20 và ngăn chứa phụ kiện 40 được nối với đế 22 (tham chiếu trên các Fig.1 và Fig.7). Ngăn chứa đồ uống 20 và ngăn chứa phụ kiện 40 cũng được nối bởi các cánh tay 48a và 32a, và bằng các cánh tay 48b và 32b (tham chiếu trên các Fig.1 và Fig.7).

Ngăn chứa đồ uống 20 có đế 22, hai cánh tay 32a, 32b, khung chính 24, và chiều cao H1 (tham chiếu trên các Fig.2 và Fig.6). Trong một phương án cụ thể của ví dụ 100, chiều cao H1 khoảng 4 inơ (10,16 cm). Khi nhìn từ trên xuống, các cánh tay 32a, 32b song song với đế 22 và tạo thành hình dạng tròn với đường kính AD lớn hơn đường kính DB của đế 22 (tham chiếu trên Fig.4). Trong một phương án cụ thể của ví dụ 100, đường kính BD khoảng 3 inơ (7,62 cm) và đường kính AD khoảng 3,125 inơ (7,9375 cm).

Khung chính 24 có hình dạng đường cong với các đoạn thẳng đứng 26a, 26b, đoạn nằm ngang 28, và các đoạn cong 30a, 30b (tham chiếu trên các Fig.2 và Fig.16). Đoạn cong 30a kéo dài giữa đoạn thẳng đứng 26a và đoạn nằm ngang 28 và đoạn cong 30b kéo dài giữa đoạn nằm ngang 28 và đoạn thẳng đứng 26b (tham chiếu trên Fig.16). Trong một phương án cụ thể của ví dụ 100, đoạn thẳng đứng 26 có chiều dài khoảng 4 inơ (10,16 cm) và đoạn nằm ngang 28 có chiều dài khoảng 3 inơ (7,62 cm).

Trong một phương án cụ thể của ví dụ 100, ngăn chứa đồ uống 20 có đường kính BD khoảng 3 inơ (7,62 cm), đường kính AD khoảng 3,125 inơ (7,9375 cm), và khung chính 24 có đoạn thẳng đứng 26 với chiều dài khoảng 4 inơ (10,16 cm) và đoạn nằm ngang 28 có chiều dài khoảng 3 inơ (7,62 cm).

Ngăn chứa phụ kiện 40 có hai chi tiết đỡ nằm ngang 42a, 42b, hai cánh tay 48a,

48b, hai đoạn 50, chiều cao H2, và chiều rộng W2 (tham chiếu trên các Fig.3 và Fig.5). Trong một phương án cụ thể của ví dụ 100, ngăn chứa phụ kiện có chiều cao H2 khoảng 4 inơ (10,16 cm), chiều rộng W2 khoảng 3,75 inơ (9,525 cm), và chiều sâu D2 khoảng 0,75 inơ (1,905 cm). Trong ví dụ này, các đoạn 50 kéo dài thẳng đứng. Các chi tiết đỡ nằm ngang 42a, 42b song song với nhau, được nối với đế 22, và tách khỏi nhau bởi chiều rộng W2b (tham chiếu trên Fig.4). Trong một phương án cụ thể của ví dụ 100, chiều rộng W2b khoảng 1,125 inơ (2,8575 cm).

Khi nhìn từ trên xuống, các cánh tay 48a, 48b tạo thành hình chữ nhật với chiều rộng bên trong IW và chiều sâu bên trong D2b (tham chiếu trên các Fig.4 và Fig.7). Trong một phương án cụ thể của ví dụ 100, chiều rộng bên trong IW khoảng 3,5 inơ (8,89 cm), và chiều sâu bên trong D2b khoảng 0,75 inơ (1,905 cm). Chiều sâu bên trong D2b nhỏ hơn chiều dài của chi tiết đỡ nằm ngang 42 (tham chiếu trên Fig.7). Các cánh tay 48a, 48b và các chi tiết đỡ nằm ngang 42 hoặc đế 22 là cách đều (tham chiếu trên các Fig.3, Fig.5, Fig.6).

Trong một phương án cụ thể của ví dụ 100, ngăn chứa phụ kiện 40 có chiều cao H2 khoảng 4 inơ (10,16 cm), chiều rộng W2 khoảng 3,75 inơ (9,525 cm), chiều sâu D2 khoảng 0,75 inơ (1,905 cm), chiều rộng W2b khoảng 1,125 inơ (2,8575 cm), chiều rộng bên trong IW khoảng 3,5 inơ (8,89 cm), và chiều sâu bên trong D2b khoảng 0,75 inơ (1,905 cm).

Trong một phương án cụ thể của ví dụ 100, giá giữ đồ uống 10 có chiều cao khoảng 4 inơ (10,16 cm), chiều rộng W khoảng 4,5 inơ (11,43 cm); ngăn chứa đồ uống 20 có đường kính BD khoảng 3 inơ (7,62 cm), đường kính AD khoảng 3,125 inơ (7,9375 cm), và khung chính 24 có đoạn thẳng đứng 26 có chiều dài khoảng 4 inơ (10,16 cm) và đoạn nằm ngang 28 có chiều dài khoảng 3 inơ (7,62 cm); và ngăn chứa phụ kiện 40 có chiều cao H2 khoảng 4 inơ (10,16 cm), chiều rộng W2 khoảng 3,75 inơ (9,525 cm), chiều sâu D2 khoảng 0,75 inơ (1,905 cm), chiều rộng W2b khoảng 1,125 inơ (2,8575 cm), chiều rộng bên trong IW khoảng 3,5 inơ (8,89 cm), và chiều sâu bên trong D2b khoảng 0,75 inơ (1,905 cm).

Ví dụ 2

Fig.8 đến Fig.11 và Fig.16 thể hiện ví dụ thứ hai 200 của giá giữ đồ uống 10 có ngăn chứa đồ uống 20 và ngăn chứa phụ kiện 40 được bố trí cạnh nhau. Giá giữ đồ uống

10 có chiều cao H1 và chiều rộng (tham chiếu trên các Fig.8 và Fig.9). Trong một phương án cụ thể của ví dụ 200, giá giữ đồ uống 10 có chiều cao H1 khoảng 4 inơ (10,16 cm) và chiều rộng khoảng 4,5 inơ (11,43 cm).

Ngăn chứa đồ uống 20 có đế 22, hai cánh tay 32a, 32b, khung chính 24, và chiều cao H1 (tham chiếu trên các Fig.8 và Fig.11). Trong một phương án cụ thể của ví dụ 200, chiều cao H1 khoảng 4 inơ (10,16 cm). Khi nhìn từ trên xuống, các cánh tay 32a, 32b song song với đế 22 và tạo thành hình dạng tròn có đường kính AD lớn hơn đường kính DB của đế 22 (tham chiếu trên Fig.9). Trong một phương án cụ thể của ví dụ 200, đường kính BD khoảng 3 inơ (7,62 cm) và đường kính AD khoảng 3,125 inơ (7,9375 cm).

Khung chính 24 có dạng đường cong với các đoạn thẳng đứng 26a, 26b, đoạn nằm ngang 28, và các đoạn cong 30a, 30b (tham chiếu trên các Fig.8 và Fig.16). Đoạn cong 30a kéo dài giữa đoạn thẳng đứng 26a và đoạn nằm ngang 28 và đoạn cong 30b kéo dài giữa đoạn nằm ngang 28 và đoạn thẳng đứng 26b (tham chiếu trên Fig.16). Trong một phương án cụ thể của ví dụ 200, đoạn thẳng đứng 26 có chiều dài khoảng 4 inơ (10,16 cm) và đoạn nằm ngang 28 có chiều dài khoảng 3 inơ (7,62 cm).

Trong một phương án cụ thể của ví dụ 200, ngăn chứa đồ uống 20 có chiều cao H1 khoảng 4 inơ (10,16 cm), đường kính BD khoảng 3 inơ (7,62 cm), đường kính AD khoảng 3,125 inơ (7,9375 cm), và khung chính 24 có đoạn thẳng đứng 26 có chiều dài khoảng 4 inơ (10,16 cm) và đoạn nằm ngang 28 có chiều dài khoảng 3 inơ (7,62 cm).

Ngăn chứa phụ kiện 40 có hai chi tiết đỡ nằm ngang 42a, 42b, một cánh tay 48, hai đoạn 50, chiều cao H2, chiều rộng bên trong IW, và chiều sâu bên trong D2b (tham chiếu trên các Fig.8 đến Fig.10). Trong ví dụ này, các đoạn 50 kéo dài thẳng đứng. Ngăn chứa phụ kiện 40 của ví dụ 100 có thể được tạo bằng thanh thép duy nhất. Chiều cao H2 của ngăn chứa phụ kiện 40 nhỏ hơn chiều cao H1 của ngăn chứa đồ uống 20 (tham chiếu trên các Fig.8 và Fig.10).

Các chi tiết đỡ nằm ngang 42a, 42b song song và tách với nhau bởi chiều rộng W2b (tham chiếu trên Fig.9). Các chi tiết đỡ nằm ngang 42a, 42b gồm có phần hình chữ U 44 có chiều sâu D2a (tham chiếu trên Fig.8). Khi nhìn từ trên xuống, cánh tay 48 tạo thành hình chữ nhật với chiều rộng bên trong IW và chiều sâu D2b (tham chiếu trên Fig.9). Chiều sâu D2b nhỏ hơn chiều dài nằm ngang của chi tiết đỡ nằm ngang 42 (tham

chiều trên Fig.8).

Trong một phương án cụ thể của ví dụ 200, ngăn chứa phụ kiện 40 có chiều cao H2 khoảng 4 inơ (10,16 cm), chiều rộng W2 khoảng 3,75 inơ (9,525 cm), chiều rộng bên trong IW khoảng 3,5 inơ (8,89 cm), chiều sâu D2b khoảng 0,75 inơ (1,905 cm), chiều sâu D2a khoảng 0,615 inơ (1,5621 cm), và chiều rộng W2b khoảng 1,125 inơ (2,8575 cm).

Trong một phương án cụ thể của ví dụ 200, giá giữ đồ uống 10 có chiều cao H khoảng 4 inơ (10,16 cm) và chiều rộng khoảng 4 inơ (10,16 cm); ngăn chứa đồ uống 20 có chiều cao H1 khoảng 4 inơ (10,16 cm), đường kính BD khoảng 3 inơ (7,62 cm), đường kính AD khoảng 3,125 inơ (7,9375 cm), khung chính 24 có đoạn thẳng đứng 26 có chiều dài khoảng 4 inơ (10,16 cm) và đoạn nằm ngang 28 có chiều dài khoảng 3 inơ (7,62 cm); và ngăn chứa phụ kiện 40 có chiều cao H2 khoảng 4 inơ (10,16 cm), chiều rộng W2 khoảng 3,75 inơ (9,525 cm), chiều rộng bên trong IW khoảng 3,5 inơ (8,89 cm), chiều sâu D2b khoảng 0,75 inơ (1,905 cm), chiều sâu D2a khoảng 0,615 inơ (1,5621 cm), và chiều rộng W2b khoảng 1,125 inơ (2,8575 cm).

Ví dụ 3

Fig.12 và Fig.16 thể hiện ví dụ thứ ba 300 của giá giữ đồ uống 10 có ngăn chứa đồ uống 20 và ngăn chứa phụ kiện 40 được bố trí cạnh nhau. Giá giữ đồ uống 10 của ví dụ 300 khác với ví dụ 100 được mô tả bên trên ở chỗ ngăn chứa phụ kiện 40 là hộp 54. Ngược lại, các kích thước và đặc điểm của giá giữ đồ uống 10 của ví dụ 300 là tương tự với ví dụ 100.

Hộp 54 có thành trước 56, thành sau 58, miệng hở đỉnh, đáy 60, và các thành bên. Hộp 54 có chiều cao H2, chiều sâu D2b, chiều rộng (tham chiếu W2 như thể hiện trên các Fig.4 và Fig.5), và tạo thành chiều rộng bên trong (tham chiếu IW như thể hiện trên Fig.4). Trong một phương án cụ thể của ví dụ 300, hộp 54 có chiều cao H2 khoảng 4 inơ (10,16 cm), chiều rộng W2 khoảng 3,75 inơ (9,525 cm), chiều rộng bên trong IW khoảng 3,5 inơ (8,89 cm), và chiều sâu D2 khoảng 0,75 inơ (1,905 cm). Hộp 54 (các thành trước 56 và đáy) có thể được tạo bằng vật liệu đặc và/hoặc lưới. Ngoài ra, các thành bên và/hoặc đáy 60 có thể được tạo bằng các chi tiết đỡ nằm ngang 42, thay vì vật liệu đặc và/hoặc lưới.

Trong một phương án cụ thể của ví dụ 300, giá giữ đồ uống 10 có chiều cao H khoảng 4 inơ (10,16 cm), chiều rộng W khoảng 4,5 inơ (11,43 cm); ngăn chứa đồ uống 20 có đường kính BD khoảng 3 inơ (7,62 cm), đường kính AD khoảng 3,125 inơ (7,9375 cm), khung chính 24 có đoạn thẳng đứng 26 có chiều dài khoảng 4 inơ (10,16 cm) và đoạn nằm ngang 28 có chiều dài khoảng 3 inơ (7,62 cm); và ngăn chứa phụ kiện 40 có chiều cao H2 khoảng 4 inơ (10,16 cm), chiều rộng W2 khoảng 3,75 inơ (9,525 cm), chiều rộng bên trong IW khoảng 3,5 inơ (8,89 cm), và chiều sâu D2 khoảng 0,75 inơ (1,905 cm).

Ví dụ 4

Fig.13 và Fig.16 thể hiện ví dụ thứ tư 400 của giá giữ đồ uống 10 có ngăn chứa đồ uống 20 và ngăn chứa phụ kiện 40 được bố trí cạnh nhau. Giá giữ đồ uống 10 của ví dụ 400 khác với ví dụ 200 được mô tả bên trên ở chỗ ngăn chứa phụ kiện 40 là hộp 54. Ngược lại, các kích thước và đặc điểm của giá giữ đồ uống 10 của ví dụ 400 là tương tự với ví dụ 200.

Hộp 54 có chiều cao H2, chiều sâu D2b, và chiều rộng (tham chiếu W2 như thể hiện trên các Fig.4 và Fig.5) và tạo thành chiều rộng bên trong (tham chiếu IW như thể hiện trên Fig.4). Trong một phương án cụ thể của ví dụ 300, hộp 54 có chiều cao H2 khoảng 2,75 inơ (6,985 cm), chiều rộng W2 khoảng 3,75 inơ (9,525 cm), chiều rộng bên trong IW khoảng 3,5 inơ (8,89 cm), và chiều sâu D2 khoảng 0,75 inơ (1,905 cm).

Hộp 54 có thành trước 56, thành sau 58, miệng hở đỉnh, đáy 60, và các thành bên. Hộp 54 (các thành trước 56 và đáy) có thể được tạo bằng vật liệu đặc và/hoặc lưới. Ngoài ra, các thành bên và/hoặc đáy 60 có thể được tạo bằng các chi tiết đỡ nằm ngang 42, thay vì vật liệu đặc và/hoặc lưới. Đáy 60 bao gồm phần hình chữ U 44 có chiều sâu D2a (tham chiếu trên Fig.13). Trong một phương án cụ thể của ví dụ 300, chiều sâu D2a khoảng 0,625 inơ (1,5875 cm).

Trong một phương án cụ thể của ví dụ 200, giá giữ đồ uống 10 có chiều cao H khoảng 4 inơ (10,16 cm) và chiều rộng khoảng 4 inơ (10,16 cm); ngăn chứa đồ uống 20 có chiều cao H1 khoảng 4 inơ (10,16 cm), đường kính BD khoảng 3 inơ (7,62 cm), đường kính AD khoảng 3,125 inơ (7,9375 cm), và khung chính 24 có đoạn thẳng đứng 26 có chiều dài khoảng 4 inơ (10,16 cm) và đoạn nằm ngang 28 có chiều dài khoảng 3 inơ (7,62 cm); và ngăn chứa phụ kiện 40 có chiều cao H2 khoảng 2,75 inơ (6,985 cm),

chiều rộng W2 khoảng 3,75 inso (9,525 cm), chiều rộng bên trong IW khoảng 3,5 inso (8,89 cm), và chiều sâu D2 khoảng 0,75 inso (1,905 cm).

Ví dụ 5

Các Fig.17 đến Fig.19 thể hiện ví dụ thứ năm 500 của giá giữ đồ uống 10 có ngăn chứa đồ uống 20 và ngăn chứa phụ kiện 40. Ngăn chứa đồ uống 20 và ngăn chứa phụ kiện 40 được bố trí cạnh nhau và có các chiều cao khác nhau (tham chiếu trên Fig.17). Trong ví dụ này, chiều cao của ngăn chứa phụ kiện 40 lớn hơn chiều cao của ngăn chứa đồ uống 20 (tham chiếu trên Fig.17). Trong một phương án cụ thể của ví dụ 500, ngăn chứa đồ uống 20 có chiều cao khoảng 2 inso (5,08 cm). Trong ví dụ này, ngăn chứa đồ uống 20 và ngăn chứa phụ kiện 40 được nối bởi khung chính 24 (tham chiếu trên Fig.18). Khung chính 24 có hình dạng đường cong (tham chiếu trên Fig.17).

Khung chính 24 nối các cánh tay 32a, 32b của ngăn chứa đồ uống 20 (tham chiếu trên Fig.17). Khi nhìn từ trên xuống, các cánh tay 32a, 32b tạo thành hình dạng tròn với khe hở G1, G2 giữa các đầu của các cánh tay 32a, 32b và đế 22 có khe hở G3 (tham chiếu trên Fig.18). Như thể hiện trên Fig.18, các khe hở G1, G2, G3 có các chiều dài khác nhau với $G1 > G2 > G3$. Trong một ví dụ, sự chênh lệch giữa mỗi khe hở G1, G2, G3 là 0,25 inso (0,635 cm). Trong một phương án cụ thể của ví dụ 500, G1 là 1,75 inso (4,445 cm), G2 là 1,25 inso (3,175 cm) và G3 là 0,75 inso (1,905 cm).

Đế 22 của ngăn chứa đồ uống 20 là phẳng và tròn. Trong ví dụ này, đế 22 có cấu trúc tương tự như cấu trúc tạo hình các cánh tay 32a, 32b (tham chiếu trên Fig.18). Trong ví dụ này, đế 22 và các cánh tay 32a, 32b có các đường kính khác nhau (DB, OAD1, AD1, OAD2) với cánh tay 32a có đường kính OAD1 lớn nhất và đế 22 có đường kính DB nhỏ nhất. Như thể hiện trên Fig.18, sự chênh lệch đường kính AD1 và OAD1 có đường kính của cánh tay 32a. Trong một khía cạnh, các đường kính khác nhau cho phép giá giữ đồ uống 10 để giữ các hộp đồ uống có các kích thước khác nhau. Ví dụ, hộp đồ uống lớn nhất có thể đặt trên cánh tay 32b trong khi hộp đồ uống nhỏ nhất có thể được đặt trên đế 22. Trong một phương án cụ thể của ví dụ 500, đường kính BD khoảng 2 inso (5,08 cm), đường kính OAD2 khoảng 3 inso (7,62 cm) và đường kính OD1 khoảng 3,5 inso (8,89 cm). Trong phương án cụ thể khác của ví dụ 500, đường kính BD là 2,25 inso (5,715 cm), đường kính OAD2 là 3,25 inso (8,255 cm), đường kính AD1 là 3,6 inso (9,144 cm), và đường kính OAD1 là 4 inso (10,16 cm).

Trong ví dụ này, đế 22 được liên kết với cánh tay 48 của ngăn chứa phụ kiện, với cánh tay 48 được nối với khung chính 24 (tham chiếu trên Fig.17). Theo các phương án khác, cả đế 22 và cánh tay 48 có thể được nối với khung chính 24.

Trong một phương án cụ thể của ví dụ 500, giá giữ đồ uống có chiều dài L1 khoảng 4,5 inơ (11,43 cm) và ngăn chứa đồ uống 20 có đường kính OAD1 khoảng 3,5 inơ (8,89 cm). Trong phương án cụ thể khác của ví dụ 500, giá giữ đồ uống có chiều dài L1 khoảng 5,25 inơ (13,335 cm) và OAD1 khoảng 4 inơ (10,16 cm).

Ngăn chứa phụ kiện 40 có cánh tay 48, các đoạn 50a, 50b, phần hình chữ U 44, các chi tiết đỡ nằm ngang 42, chiều cao, chiều sâu Db2, và chiều rộng IW (tham chiếu trên các Fig.18 và Fig.19). Trong ví dụ này, các đoạn 50a, 50b kéo dài xuống phía dưới ở góc không thẳng đứng với phần hình chữ U 44 tạo thành đáy 60 của ngăn chứa phụ kiện 40 (tham chiếu trên Fig.17). Các chi tiết đỡ nằm ngang 42 kéo dài từ phần hình chữ U 44. Theo một số phương án, các chi tiết đỡ nằm ngang 42 được gắn với khung chính 24 và/hoặc trục chính 70. Theo các phương án khác, các chi tiết đỡ nằm ngang 42 còn được gắn với đế 22 (tham chiếu trên Fig.17). Trong một phương án cụ thể của ví dụ 500, ngăn chứa phụ kiện có chiều rộng IW khoảng 4 inơ (10,16 cm) và chiều sâu Db2 khoảng 0,75 inơ (1,905 cm).

Khi nhìn từ trên xuống, cánh tay 48 tạo thành hình chữ nhật tại đỉnh của ngăn chứa phụ kiện 40 có khe hở Wb2 (tham chiếu trên Fig.18). Trong một phương án cụ thể của ví dụ 500, chiều rộng có khe hở W2b khoảng 1 inơ (2,54 cm). Cánh tay 48 kéo dài xuống phía dưới ở góc không vuông từ đỉnh hình chữ nhật đến đáy 60 uốn cong (tham chiếu trên Fig.17). Trong ví dụ này, cánh tay 48 được gắn với khung chính 24 và đế 22.

Khi nhìn từ trên xuống, cánh tay 48 tạo thành hình chữ nhật có chiều rộng bên trong IW, chiều sâu bên trong Db2, và tạo thành khe hở Wb2 (tham chiếu trên Fig.18). Trong một phương án cụ thể của ví dụ 100, chiều rộng bên trong IW khoảng 4 inơ (10,16 cm), chiều sâu bên trong Db2 khoảng 0,75 inơ (1,905 cm), và khe hở Wb2 khoảng 1 inơ (2,54 cm).

Trong một phương án cụ thể của ví dụ 500, giá giữ đồ uống có chiều dài L1 khoảng 4,5 inơ (11,43 cm), ngăn chứa đồ uống 20 có đường kính OAD1 khoảng 3,5 inơ (8,89 cm), cánh tay 32a có đường kính khoảng 3,5 inơ (8,89 cm), khe hở G2 khoảng 1,75 inơ (4,445 cm), cánh tay 32b có đường kính khoảng 3 inơ (7,62 cm) và khe hở G2

khoảng 1,25 inơ (3,175 cm), đế có đường kính khoảng 2 inơ (5,08 cm) và khe hở G3 khoảng 0,75 inơ (1,905 cm), ngăn chứa phụ kiện 40 có chiều sâu bên trong Db2 khoảng 1 inơ (2,54 cm), khe hở Wb2 khoảng 1 inơ (2,54 cm), và chiều rộng bên trong IW khoảng 4 inơ (10,16 cm).

Ví dụ 6

Các Fig.23 đến Fig.25 thể hiện ví dụ thứ sáu 600 của giá giữ đồ uống 10 có ngăn chứa đồ uống 20, ngăn chứa phụ kiện 40, và bộ phận lắp 80. Ngăn chứa đồ uống 20 và ngăn chứa phụ kiện 40 được bố trí cạnh nhau và có cùng chiều cao (tham chiếu trên Fig.24). Ngăn chứa đồ uống 20 và ngăn chứa phụ kiện 40 được nối bởi các cánh tay 48a và 32a, và bởi các cánh tay 48b và 32b. Trong một phương án cụ thể của ví dụ 100, giá giữ đồ uống 10 có chiều cao ($H1 + BH$) khoảng 5 inơ (12,7 cm), chiều rộng L3 khoảng 6 inơ (15,24 cm), và chiều sâu OW khoảng 4,125 inơ (10,4775 cm) (tham chiếu trên các Fig.24-25).

Ngăn chứa đồ uống 20 có đế 22, hai cánh tay 32a, 32b, và chiều cao H1 (tham chiếu trên Fig.24). Trong một phương án cụ thể của ví dụ 100, chiều cao H1 khoảng 3,75 inơ (9,525 cm). Đế 22 là phẳng và tròn có đường kính BD (tham chiếu trên Fig.23). Mép của đế 22 được định vị ở khoảng cách L2 từ đầu của ngăn chứa phụ kiện 40 (tham chiếu trên Fig.24). Khi nhìn từ trên xuống, các cánh tay 32a, 32b song song với đế 22 và tạo thành hình dạng tròn có đường kính AD lớn hơn đường kính BD (tham chiếu trên Fig.23). Trong một phương án cụ thể của ví dụ 600, đường kính BD khoảng 3 inơ (7,62 cm), đường kính AD khoảng 3,125 inơ (7,9375 cm), và đường kính OAD là 3,625 inơ (9,2075 cm). Các cánh tay 32a và 32b được tách khỏi nhau bằng khoảng cách S1 và cánh tay 32a và chi tiết đỡ nằm ngang 42 được tách khỏi nhau bằng khoảng cách S2 (tham chiếu trên Fig.24). Mặc dù trong ví dụ này khoảng cách S1 lớn hơn khoảng cách S2, khoảng cách S1 cũng có thể bằng với hoặc nhỏ hơn khoảng cách S2. Trong một phương án cụ thể của ví dụ 600, khoảng cách S1 khoảng 1,7 inơ (4,318 cm) và khoảng cách S2 khoảng 1,4 inơ (3,556 cm).

Ngăn chứa phụ kiện 40 có hai chi tiết đỡ nằm ngang 42a, 42b kéo dài từ hai đoạn 50a, 50b, hai cánh tay 48a, 48b, chiều cao H2, chiều rộng bên trong IW, và chiều rộng bên ngoài OW (tham chiếu trên các Fig.24 và Fig.25). Trong ví dụ này, các đoạn 50 kéo dài thẳng đứng. Các chi tiết đỡ nằm ngang 42a, 42b song song với nhau, được nối với

đế 22, và được tách với nhau bởi chiều rộng W2b (tham chiếu trên Fig.25). Trong một phương án cụ thể của ví dụ 100, chiều rộng W2b khoảng 0,65 in (1,651 cm).

Khi nhìn từ trên xuống, các cánh tay 48a, 48b tạo thành hình chữ nhật với chiều rộng bên trong IW và chiều sâu bên trong D2b (tham chiếu trên các Fig.23 và Fig.25). Các cánh tay 48a, 48b được tách với nhau bởi khoảng cách S1 và cánh tay 48a được tách với nhau bởi các chi tiết đỡ nằm ngang 42 bằng khoảng cách S2 (tham chiếu trên Fig.24).

Bộ phận lắp 80 có đai kẹp 81, bộ phận cố định/điều chỉnh 84, chiều cao BH, chiều rộng BW, và chiều sâu (tham chiếu trên Fig.24). Trong ví dụ này, đai kẹp 81 được tạo bởi chi tiết 82. Theo một số phương án của ví dụ 600, đoạn đỉnh 82a của chi tiết 82 là phần kéo dài của các chi tiết đỡ nằm ngang 42. Trong các phương án khác của ví dụ 600, đoạn đỉnh 82a của chi tiết 82 là bộ phận tách rời khỏi các chi tiết đỡ nằm ngang 42, và từng đoạn đỉnh 82a và các chi tiết đỡ nằm ngang 42 được gắn với đế 22. Theo một số phương án, các tấm 83, 88 có hình dạng như thể hiện trên Fig.22. Trong ít nhất một phương án khác, mỗi tấm đai kẹp trên 83b và bulông tấm 88 có tấm đệm 89. Theo một số phương án của ví dụ 600, bộ phận cố định 84 là bộ phận cố định 84 thể hiện trên Fig.21, đã được mô tả chi tiết bên trên.

Bộ phận lắp 80 được định vị ở khoảng cách L1 tách khỏi một đầu của ngăn chứa phụ kiện 40 (tham chiếu trên Fig.24). Trong một ví dụ, khoảng cách L1 khoảng 3 in (7,62 cm), chiều cao BH khoảng 2,2 in (5,588 cm), và chiều rộng BW khoảng 3 in (7,62 cm).

Trong một phương án cụ thể của ví dụ 600, PD1 khoảng 1,25 in (3,175 cm), PW1 khoảng 1,625 in (4,1275 cm), BD khoảng 2,95 in (7,493 cm), AD khoảng 3,25 in (8,255 cm), OAD khoảng 3,625 in (9,2075 cm), D2b khoảng 0,75 in (1,905 cm), W2b khoảng 0,65 in (1,651 cm), IW khoảng 3,625 in (9,2075 cm), AD2 khoảng 4,75 in (12,065 cm), H1/H2 khoảng 3,75 in (9,525 cm), S1 khoảng 1,7 in (4,318 cm), S2 khoảng 1,4 in (3,556 cm), L1 khoảng 3 in (7,62 cm), L2 khoảng 1,25 in (3,175 cm), L3 khoảng 6 in (15,24 cm), BH khoảng 2,2 in (5,588 cm), BW khoảng 3 in (7,62 cm), OW khoảng 4,125 in (10,4775 cm), AL khoảng 1,74 in (4,4196 cm), SW khoảng 2,125 in (5,3975 cm), SH1 khoảng 0,5 in (1,27 cm), SH2 khoảng 1,125 in (2,8575 cm), SH3 khoảng 0,5 in (1,27 cm).

Sáng chế có thể có các phương án khác. Mặc dù phần mô tả bên trên bao gồm nhiều đặc điểm cụ thể, những mô tả này không nên được hiểu là giới hạn phạm vi của sáng chế, mà chỉ là cung cấp các minh họa về một số phương án ưu tiên của sáng chế. Lưu ý rằng các sự kết hợp hoặc kết hợp phụ khác nhau của các đặc điểm và khía cạnh cụ thể của các phương án có thể được thực hiện và vẫn nằm trong phạm vi bảo hộ của sáng chế. Cần hiểu rằng các đặc điểm và khía cạnh khác nhau của các phương án đã mô tả có thể được kết hợp với hoặc thay thế cho nhau để tạo thành các phương án khác nhau. Do đó, phạm vi bảo hộ của sáng chế sẽ không bị giới hạn bởi các phương án cụ thể được mô tả ở trên.

Do đó, phạm vi của sáng chế được xác định bởi các yêu cầu bảo hộ và các quy định pháp lý tương đương của chúng. Do đó, rõ ràng rằng phạm vi bảo hộ của sáng chế bao gồm toàn bộ các phương án khác mà có thể trở nên hiển nhiên đối với những người có hiểu biết trung bình trong cùng lĩnh vực kỹ thuật, và phạm vi bảo hộ của sáng chế theo đó không bị giới hạn nào khác ngoài các yêu cầu bảo hộ, trong đó chỉ dẫn tham chiếu đến chi tiết ở dạng số ít không có ý nghĩa là “một và chỉ một” trừ khi được nêu rõ ràng như vậy, mà là “một hoặc nhiều”. Tất cả các yếu tố tương đương về cấu trúc, hóa học và chức năng đối với các chi tiết của phương án ưu tiên được mô tả ở trên mà được biết đến với những người có hiểu biết trung bình trong cùng lĩnh vực kỹ thuật được kết hợp bằng cách tham chiếu và bao gồm trong các điểm yêu cầu bảo hộ sau đây. Hơn nữa, không cần thiết bị hoặc phương pháp giải quyết từng và mọi vấn đề cần giải quyết bởi sáng chế, vì nó bao gồm trong các điểm yêu cầu bảo hộ sau đây. Ngoài ra, không có chi tiết, bộ phận hoặc bước của phương pháp trong sáng chế được dự định dành riêng cho công chúng bất kể chi tiết, bộ phận hoặc bước của phương pháp có được nêu rõ ràng trong yêu cầu bảo hộ hay không.

Phần mô tả ở trên của các phương án ưu tiên khác nhau của sáng chế đã được bộ lộ nhằm mục đích minh họa và mô tả. Nó không nhằm mục đích bộc lộ đầy đủ hoặc giới hạn đối với các phương án chính xác, và rõ ràng là có thể có nhiều sửa đổi và biến thể dựa trên các phương án ở trên. Các phương án ví dụ như được mô tả ở trên, đã được lựa chọn và mô tả để giải thích tốt nhất các nguyên lý của sáng chế và ứng dụng thực tế của nó để cho phép những người có hiểu biết trung bình trong cùng lĩnh vực kỹ thuật sử dụng tốt nhất sáng chế theo các phương án khác nhau và với các sửa đổi khác nhau phù

hợp với việc sử dụng cụ thể được dự tính. Phạm vi bảo hộ của sáng chế được xác định bởi các yêu cầu bảo hộ được đính kèm theo đây.

Các ví dụ khác nhau đã được mô tả. Các ví dụ và các ví dụ khác nằm trong phạm vi bảo hộ của các yêu cầu bảo hộ sau đây.

YÊU CẦU BẢO HỘ

1. Giá giữ đồ uống gồm có ngăn chứa đồ uống và ngăn chứa phụ kiện được bố trí cạnh nhau, trong đó giá giữ này bao gồm:

ngăn chứa đồ uống tạo thành khối hình trụ, ngăn chứa đồ uống gồm có:

đế phẳng để đỡ hộp đồ uống, đế phẳng có hình dạng tròn với đường kính thứ nhất;

cánh tay thứ nhất có đường kính thứ hai và ít nhất một phần bao quanh khối hình trụ; và

khung chính nổi để và cánh tay;

ngăn chứa phụ kiện tạo thành khối hình chữ nhật, trong đó ngăn chứa phụ kiện được liên kết trực tiếp với đế phẳng và với cánh tay thứ nhất của ngăn chứa đồ uống; và

trục chính gồm có đoạn thứ nhất được nối với đế phẳng, và đoạn thứ hai có đầu nhọn để cố định giá giữ đồ uống vào trong đất, các đoạn thứ nhất và thứ hai được nối bằng đoạn ren.

2. Giá giữ đồ uống theo điểm 1, trong đó khung chính gồm có:

đoạn uốn cong thứ nhất kéo dài giữa đoạn thứ nhất của trục chính và đoạn nằm ngang của khung chính, trong đó đoạn nằm ngang kéo dài bên dưới, và được liên kết với đế phẳng;

đoạn uốn cong thứ hai kéo dài giữa đoạn nằm ngang và đoạn thẳng đứng, đoạn thẳng đứng được nối với đế phẳng và với cánh tay thứ nhất của ngăn chứa đồ uống.

3. Giá giữ đồ uống theo điểm 2, trong đó ngăn chứa đồ uống còn bao gồm cánh tay thứ hai có đường kính thứ ba bằng với đường kính thứ hai, cánh tay thứ nhất được bố trí bên trên đế phẳng, cánh tay thứ hai được bố trí bên trên cánh tay thứ nhất, ngăn chứa đồ uống có chiều cao; và

ngăn chứa phụ kiện có chiều cao bằng với chiều cao của ngăn chứa đồ uống và còn được nối với cánh tay thứ hai của ngăn chứa đồ uống.

4. Giá giữ đồ uống theo điểm 3, trong đó ngăn chứa phụ kiện bao gồm chi tiết đỡ nằm ngang, đoạn thẳng đứng, cánh tay thứ nhất, và cánh tay thứ hai được bố trí bên trên cánh

tay thứ nhất, trong đó:

chi tiết đỡ nằm ngang nối ngăn chứa phụ kiện với đế phẳng;

đoạn thẳng đứng nối liền chi tiết đỡ nằm ngang, cánh tay thứ nhất và cánh tay thứ hai với nhau;

trong đó ngăn chứa phụ kiện được liên kết với cánh tay thứ nhất của ngăn chứa đồ uống bằng cánh tay thứ nhất và với cánh tay thứ hai của ngăn chứa đồ uống bằng cánh tay thứ hai.

5. Giá giữ đồ uống theo điểm 4, trong đó đường kính thứ hai lớn hơn đường kính thứ nhất.

6. Giá giữ đồ uống theo điểm 4, trong đó các cánh tay thứ nhất và thứ hai bao quanh khối hình trụ.

7. Giá giữ đồ uống theo điểm 3, trong đó ngăn chứa phụ kiện là hộp gồm có thành trước, thành sau, các thành bên, và đáy, trong đó thành sau được liên kết với cánh tay thứ nhất và với cánh tay thứ hai của ngăn chứa phụ kiện.

8. Giá giữ đồ uống theo điểm 7, trong đó ít nhất một trong các thành trước, thành sau, các thành bên, và đáy là lưới.

9. Giá giữ đồ uống theo điểm 2, trong đó ngăn chứa đồ uống còn bao gồm cánh tay thứ hai có đường kính thứ ba bằng với đường kính thứ hai, cánh tay thứ nhất được bố trí bên trên đế phẳng, cánh tay thứ hai được bố trí bên trên cánh tay thứ nhất, ngăn chứa đồ uống có chiều cao; và

ngăn chứa phụ kiện có chiều cao nhỏ hơn chiều cao của ngăn chứa đồ uống, trong đó ngăn chứa phụ kiện được liên kết với cánh tay thứ nhất nhưng không nối với cánh tay thứ hai của ngăn chứa đồ uống.

10. Giá giữ đồ uống theo điểm 9, trong đó ngăn chứa phụ kiện gồm có chi tiết đỡ nằm ngang, phần thẳng đứng, và một cánh tay, trong đó:

chi tiết đỡ nằm ngang nối ngăn chứa phụ kiện với đế phẳng;

đoạn thẳng đứng nối chi tiết đỡ nằm ngang và cánh tay với nhau;

trong đó cánh tay được liên kết với cánh tay thứ nhất của ngăn chứa đồ uống.

11. Giá giữ đồ uống theo điểm 10, trong đó chi tiết đỡ nằm ngang, phần thẳng đứng, và cánh tay của ngăn chứa phụ kiện là đoạn vật liệu duy nhất.
12. Giá giữ đồ uống theo điểm 9, trong đó ngăn chứa phụ kiện là hộp có thành trước, thành sau, và đáy, trong đó thành sau được liên kết với cánh tay thứ nhất.
13. Giá giữ đồ uống theo điểm 12, trong đó ít nhất một trong các thành trước, thành sau, các thành bên, và đáy là lưới.
14. Giá giữ đồ uống theo điểm 1, trong đó ngăn chứa phụ kiện và ngăn chứa đồ uống được bố trí cạnh nhau theo hướng ngang.
15. Giá giữ đồ uống gồm có ngăn chứa đồ uống và ngăn chứa phụ kiện được bố trí cạnh nhau, giá giữ này bao gồm:

ngăn chứa đồ uống tạo thành khối hình trụ, ngăn chứa đồ uống có chiều cao thứ nhất và gồm có:

 đế phẳng để đỡ hộp đồ uống, đế phẳng có hình dạng tròn có đường kính;

 cánh tay thứ nhất được bố trí bên trên đế phẳng;

 cánh tay thứ hai được bố trí bên trên cánh tay thứ nhất;

 khung chính nối đế và các cánh tay thứ nhất và thứ hai, khung chính gồm có:

 đoạn uốn cong thứ nhất kéo dài từ đoạn nằm ngang kéo dài bên dưới, và được nối với đế phẳng; và

 đoạn uốn cong thứ hai kéo dài giữa đoạn nằm ngang và đoạn thẳng đứng, đoạn thẳng đứng được nối với các cánh tay thứ nhất và thứ hai của ngăn chứa đồ uống;

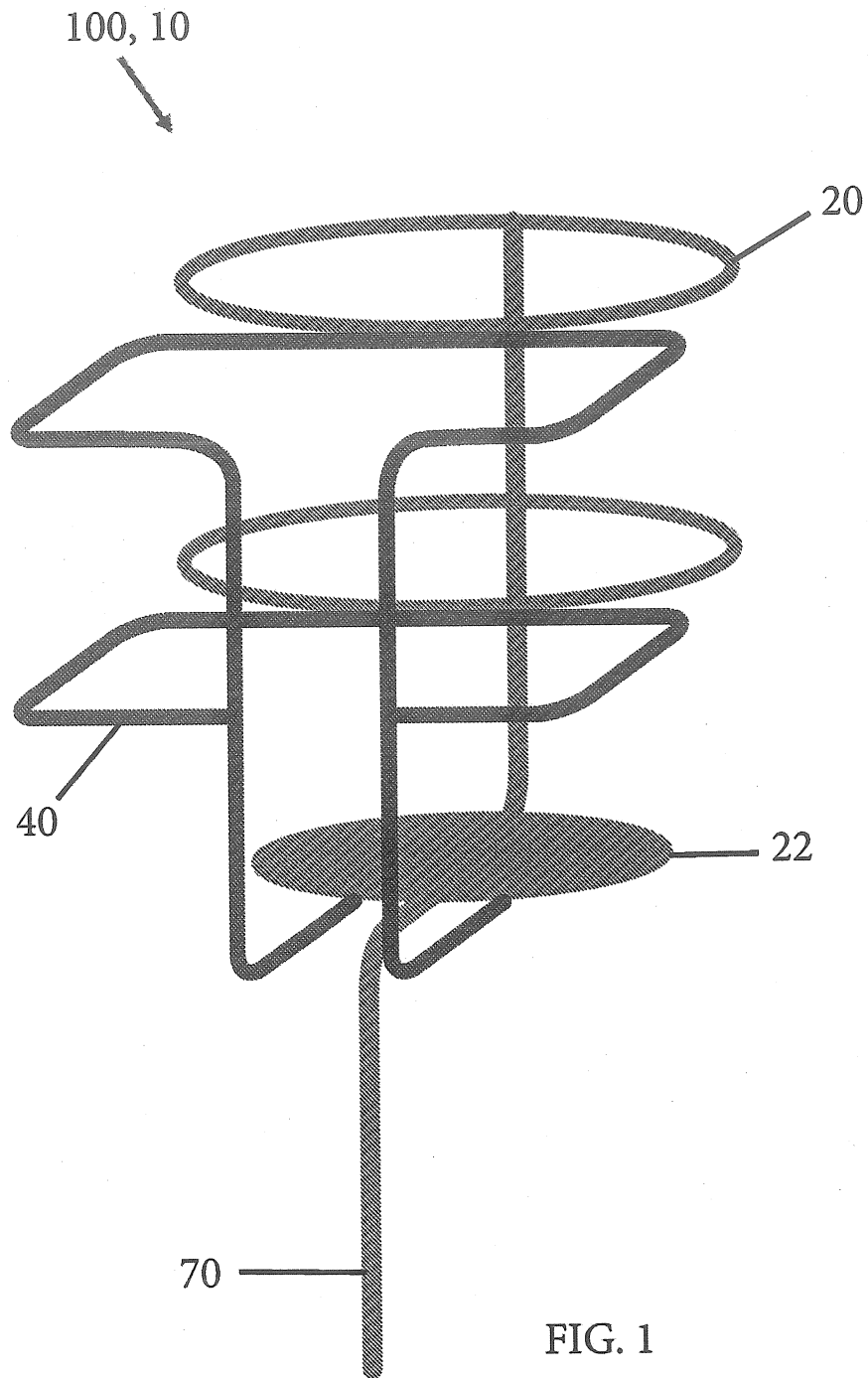
 ngăn chứa phụ kiện tạo thành khối hình chữ nhật, ngăn chứa phụ kiện có chiều cao thứ hai bằng với chiều cao thứ nhất, trong đó ngăn chứa phụ kiện được liên kết với đế phẳng, cánh tay thứ nhất, và cánh tay thứ hai của ngăn chứa đồ uống; và

 trục chính gồm có:

 đoạn thứ nhất được nối với đế phẳng và đoạn uốn cong thứ nhất của khung chính; và

 đoạn thứ hai có đầu nhọn để cố định giá giữ đồ uống vào trong đất, các đoạn

thứ nhất và thứ hai được nối bằng đoạn ren.



100, 20
↓

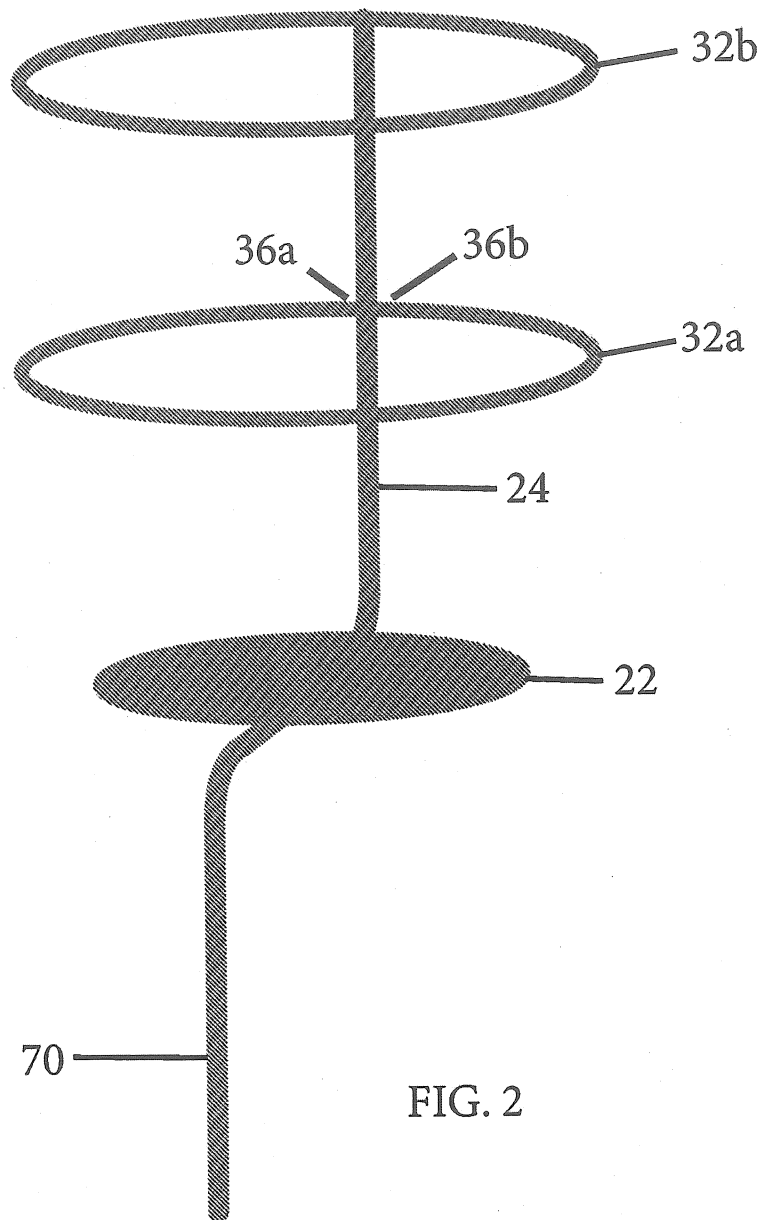


FIG. 2

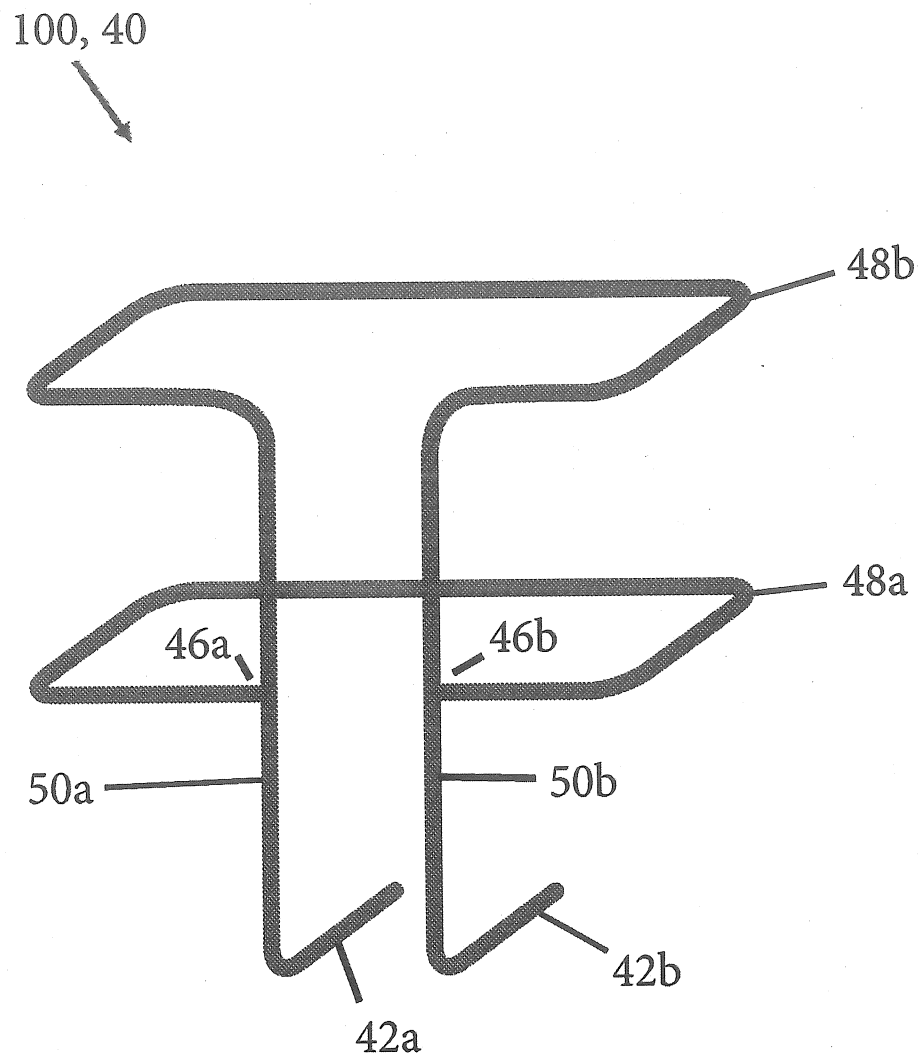


FIG. 3

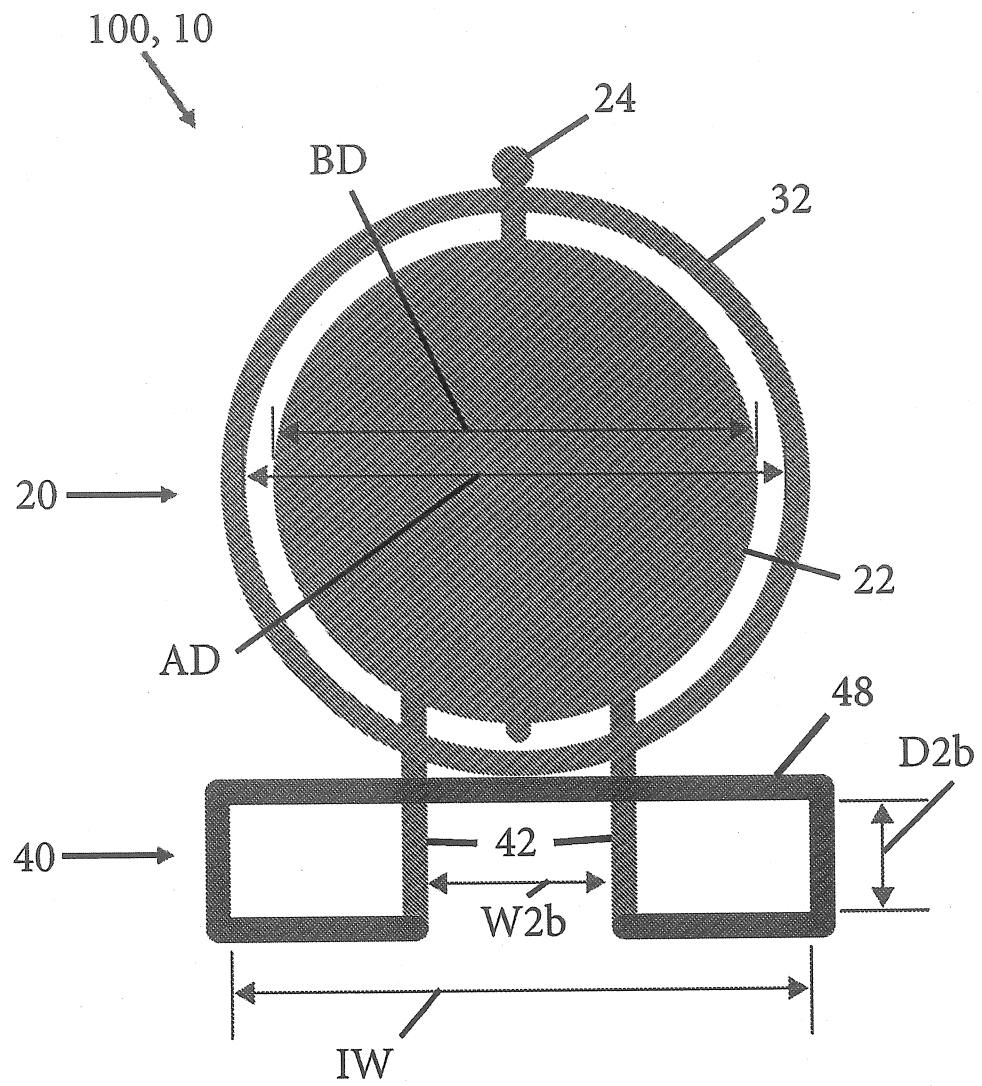
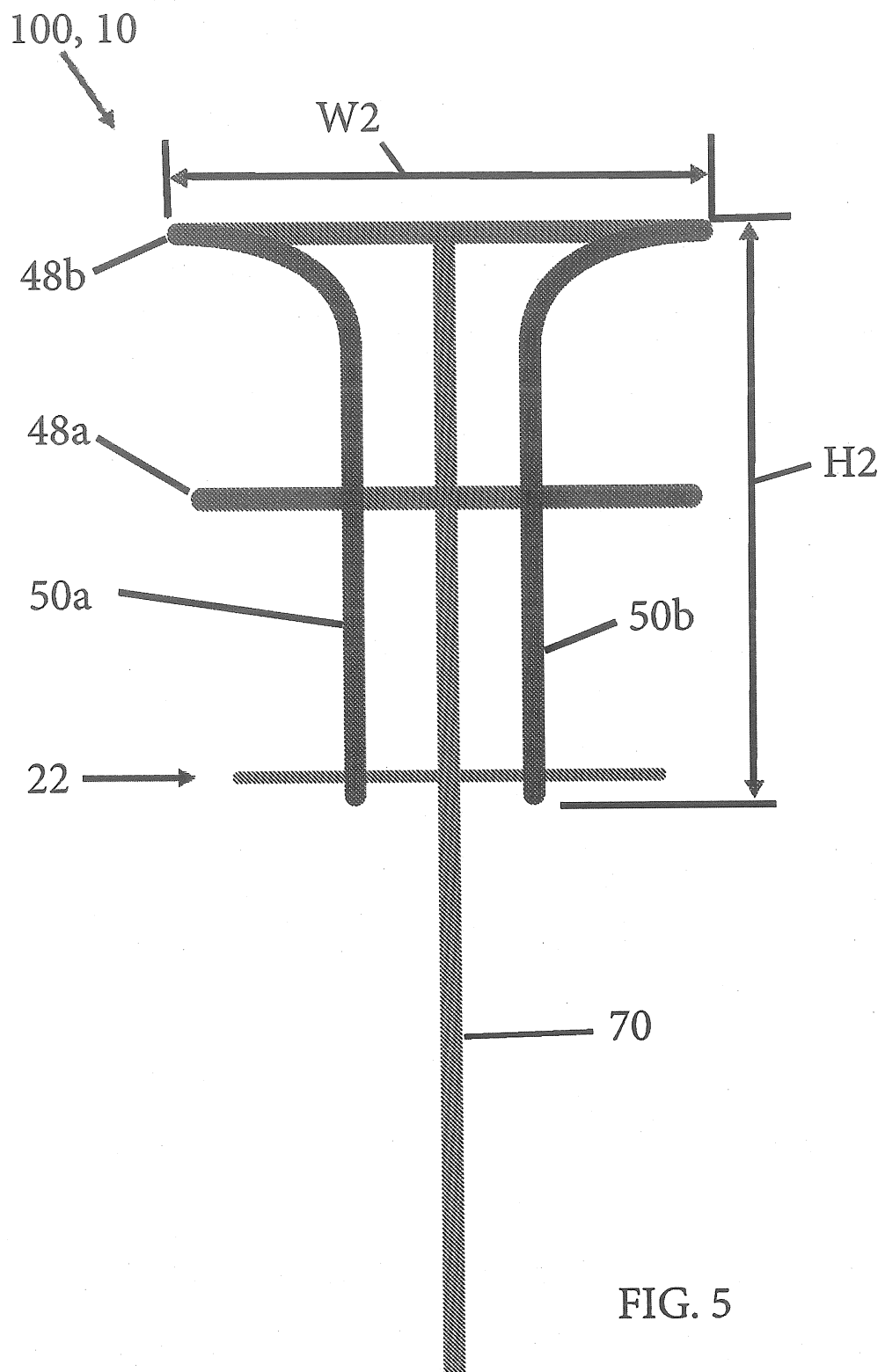


FIG. 4



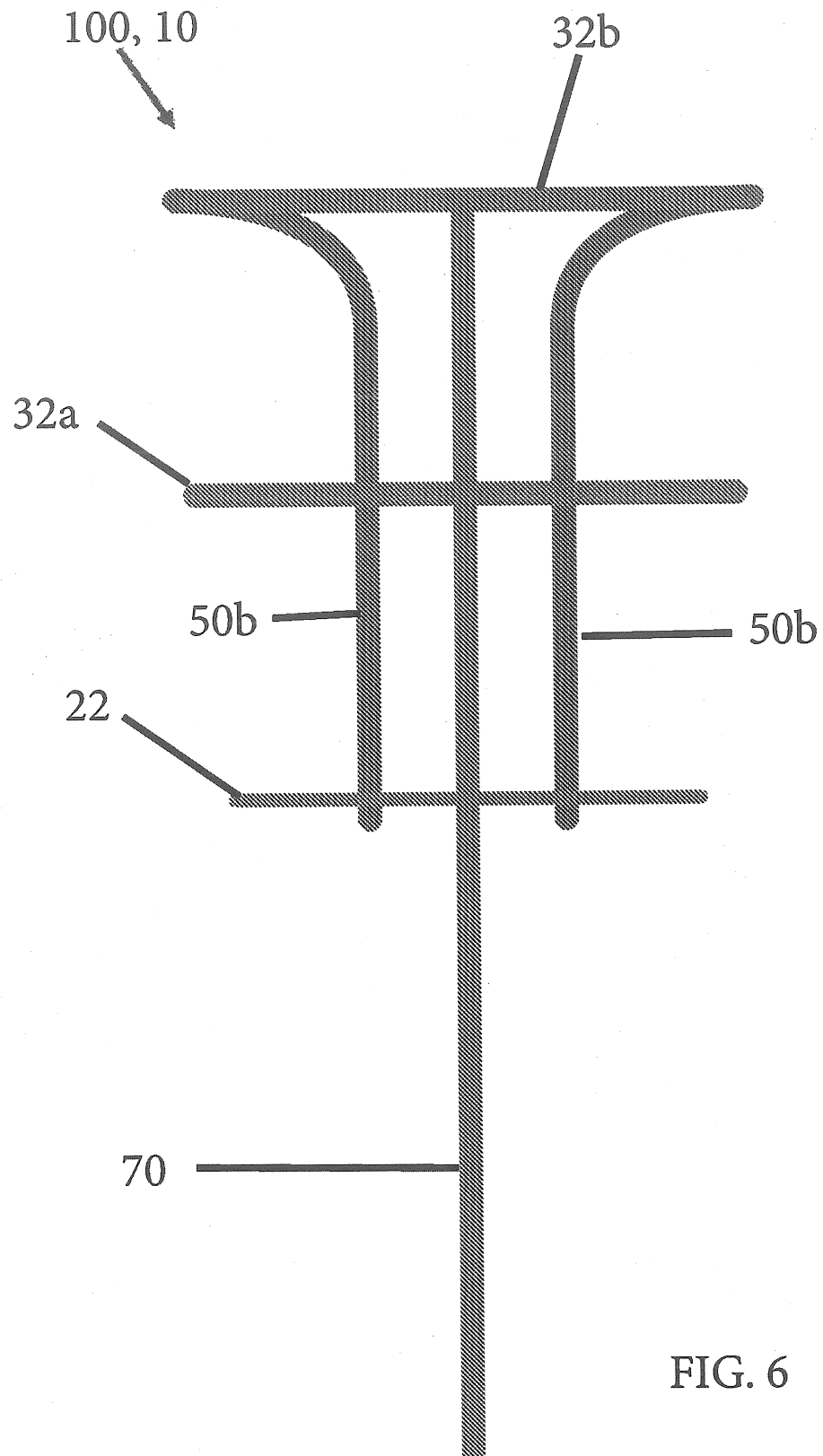


FIG. 6

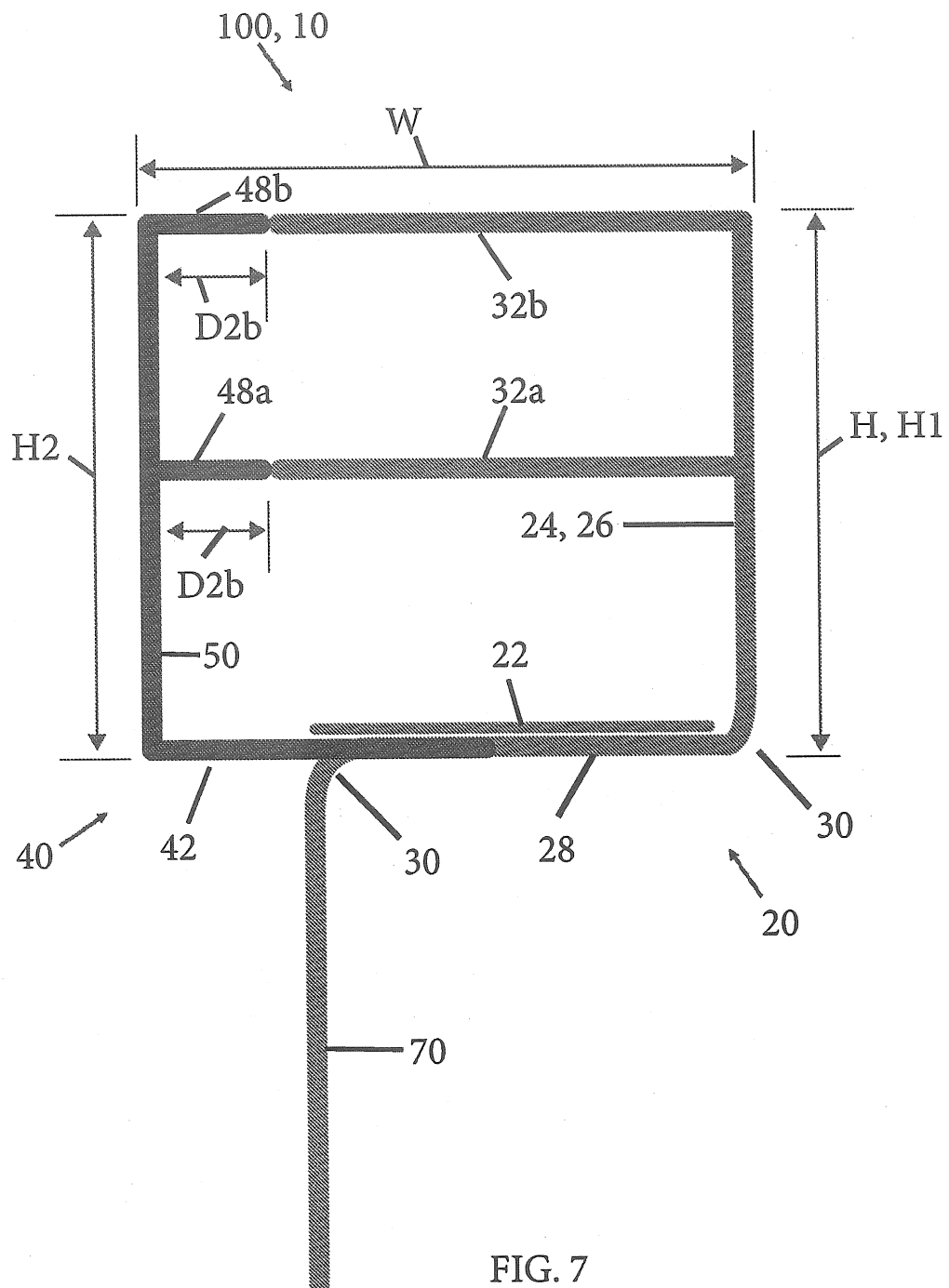


FIG. 7

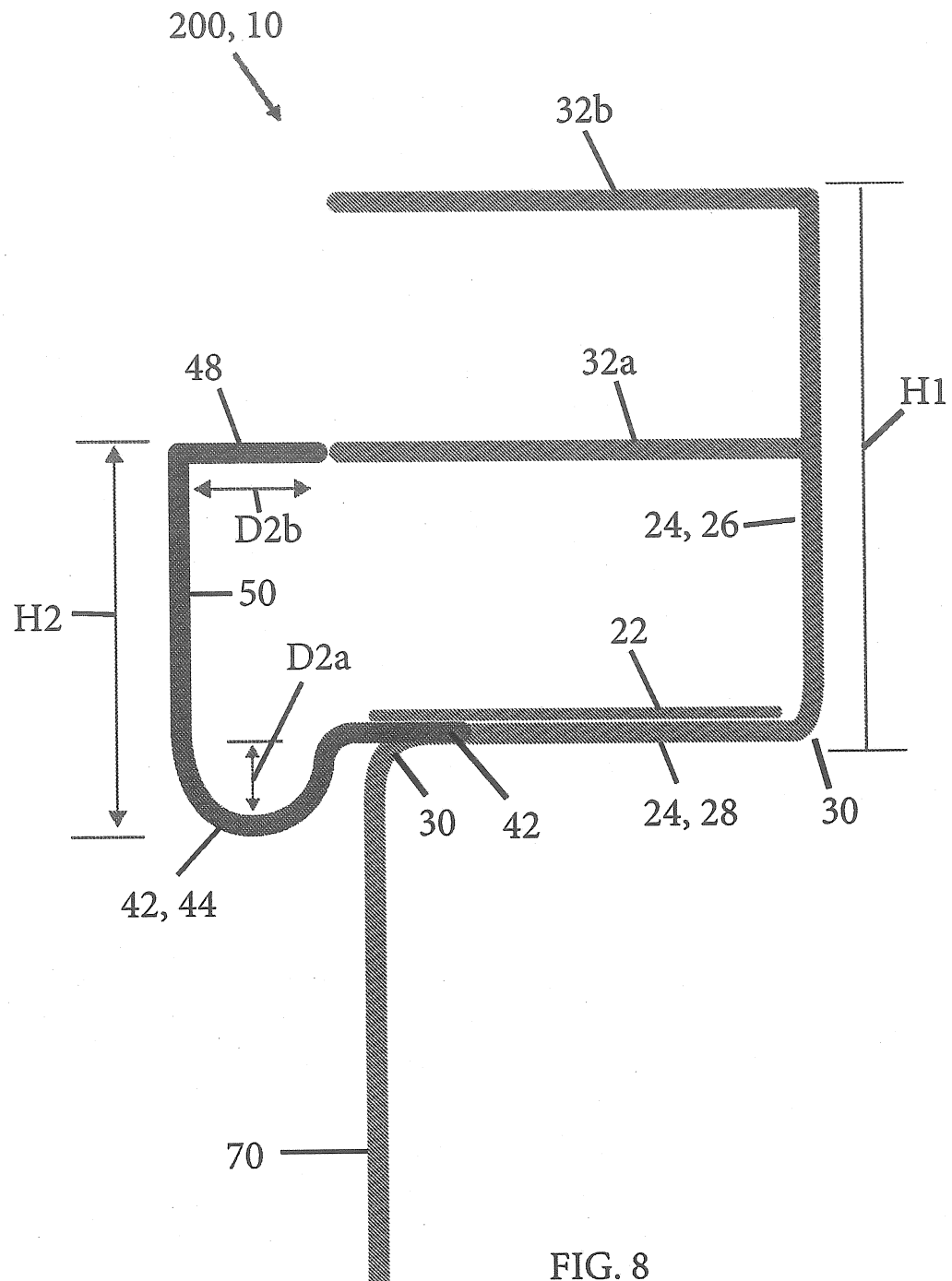


FIG. 8

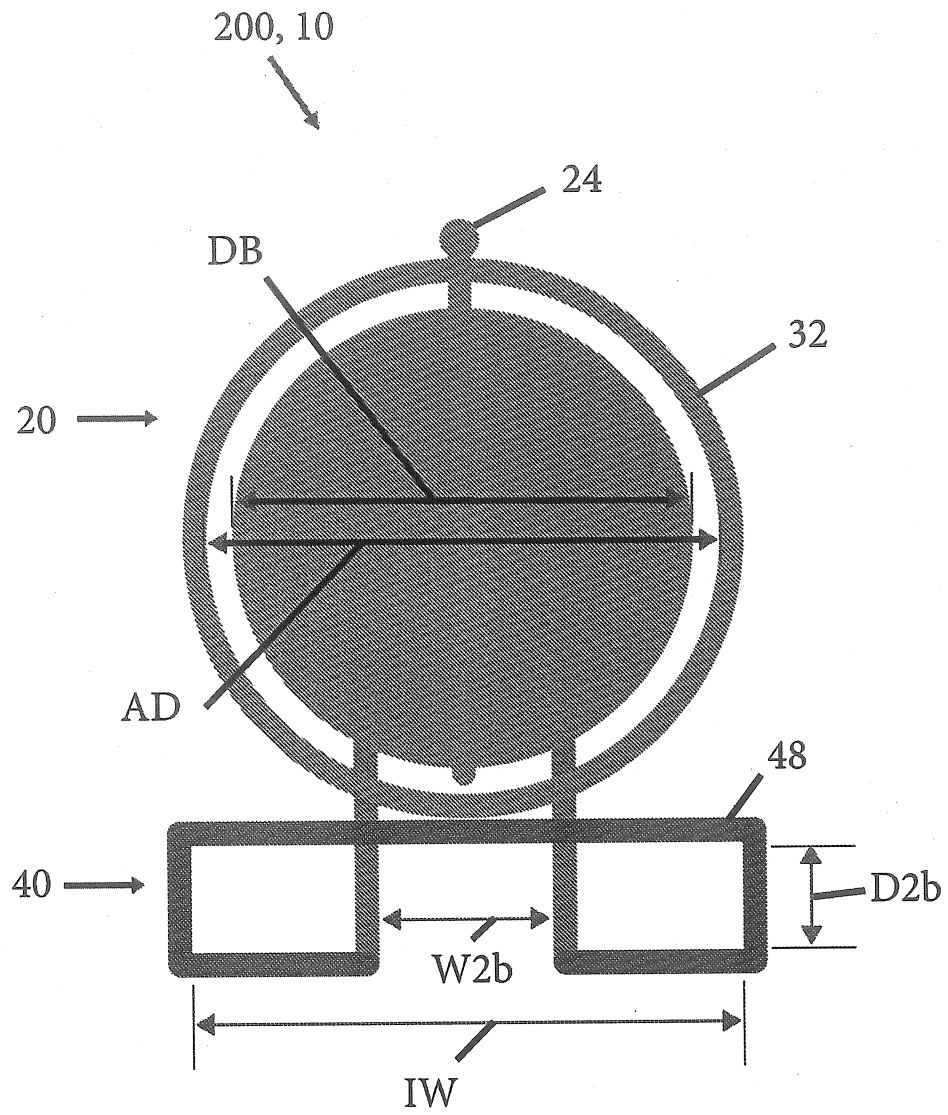
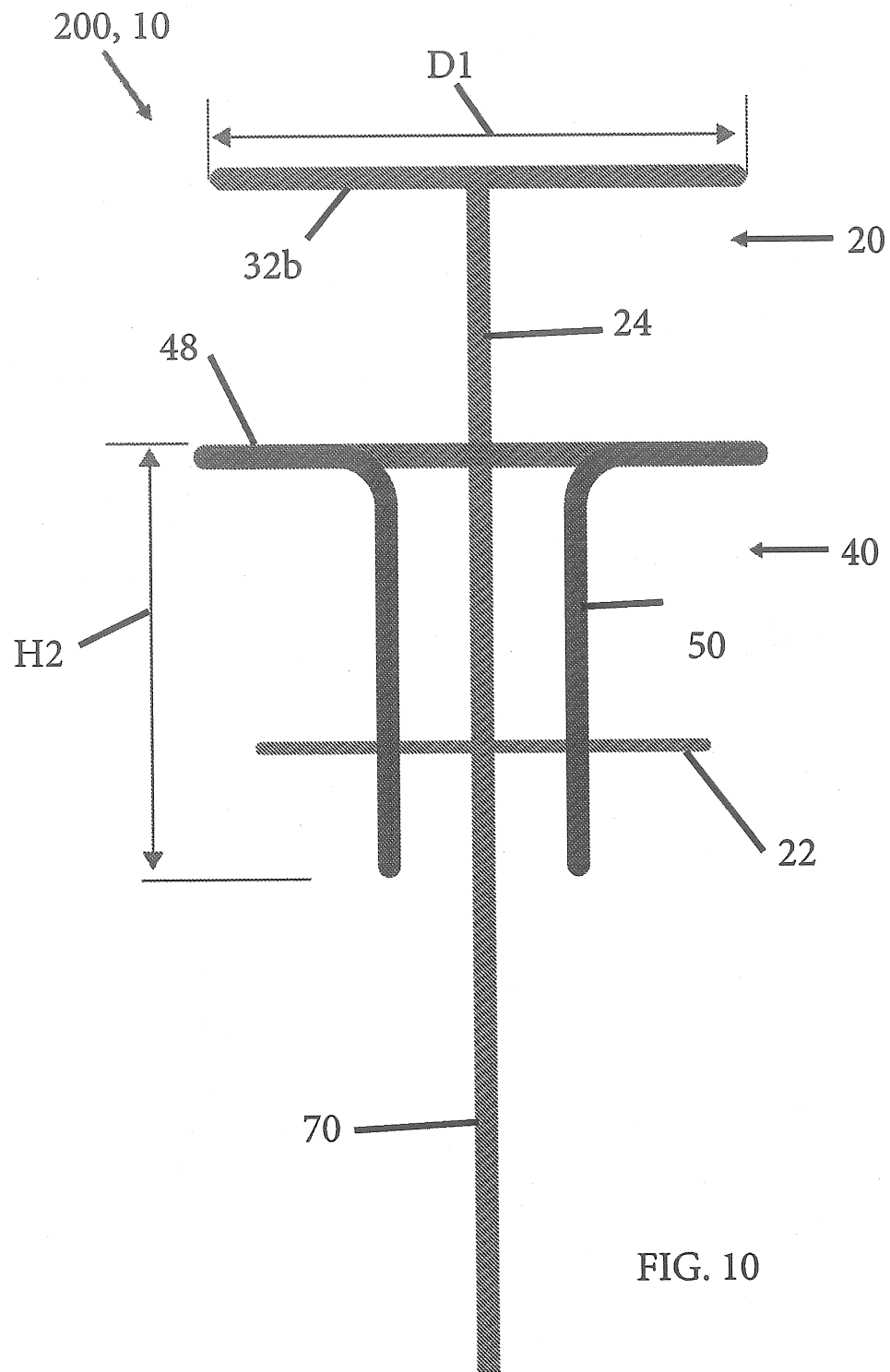


FIG. 9



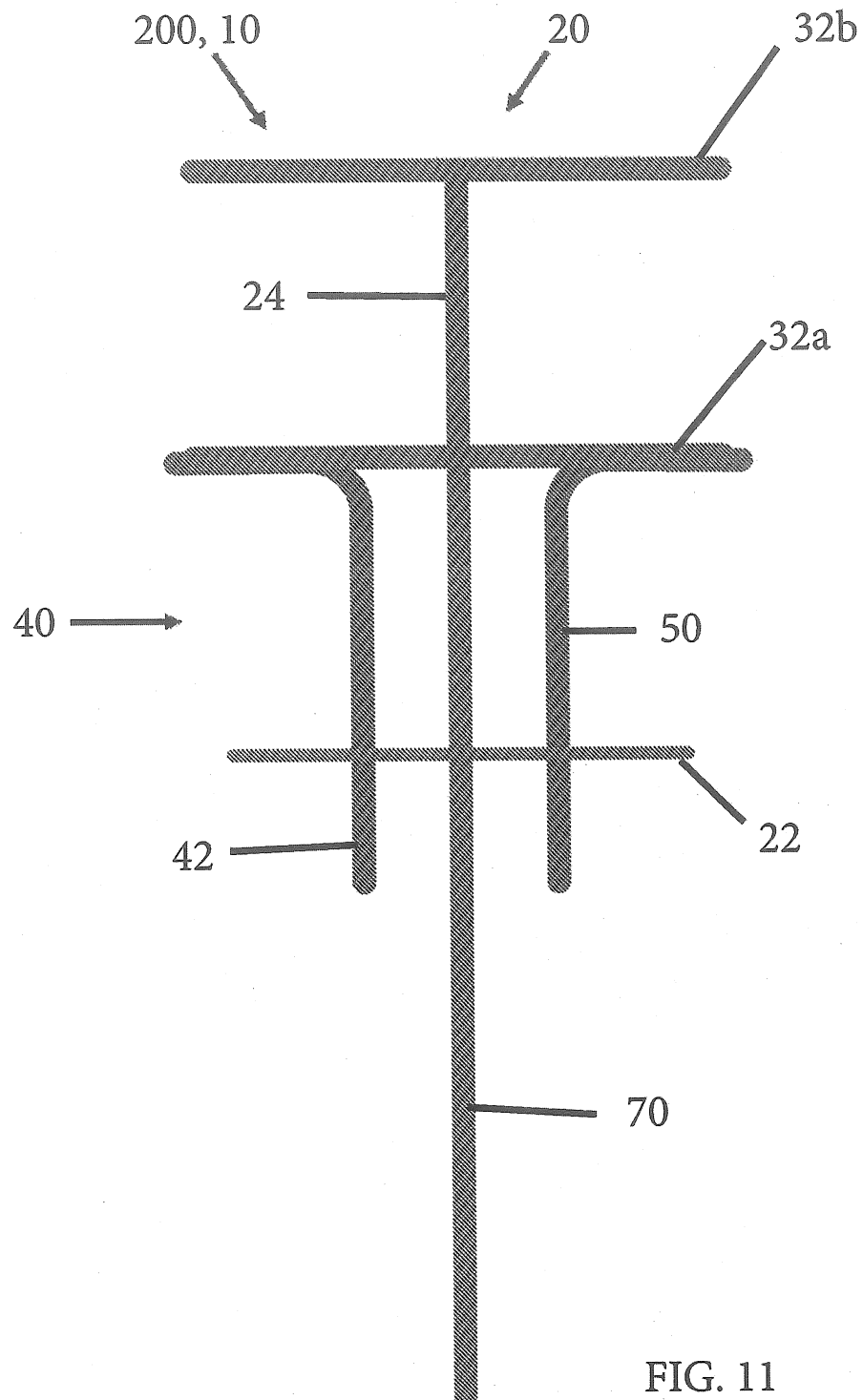


FIG. 11

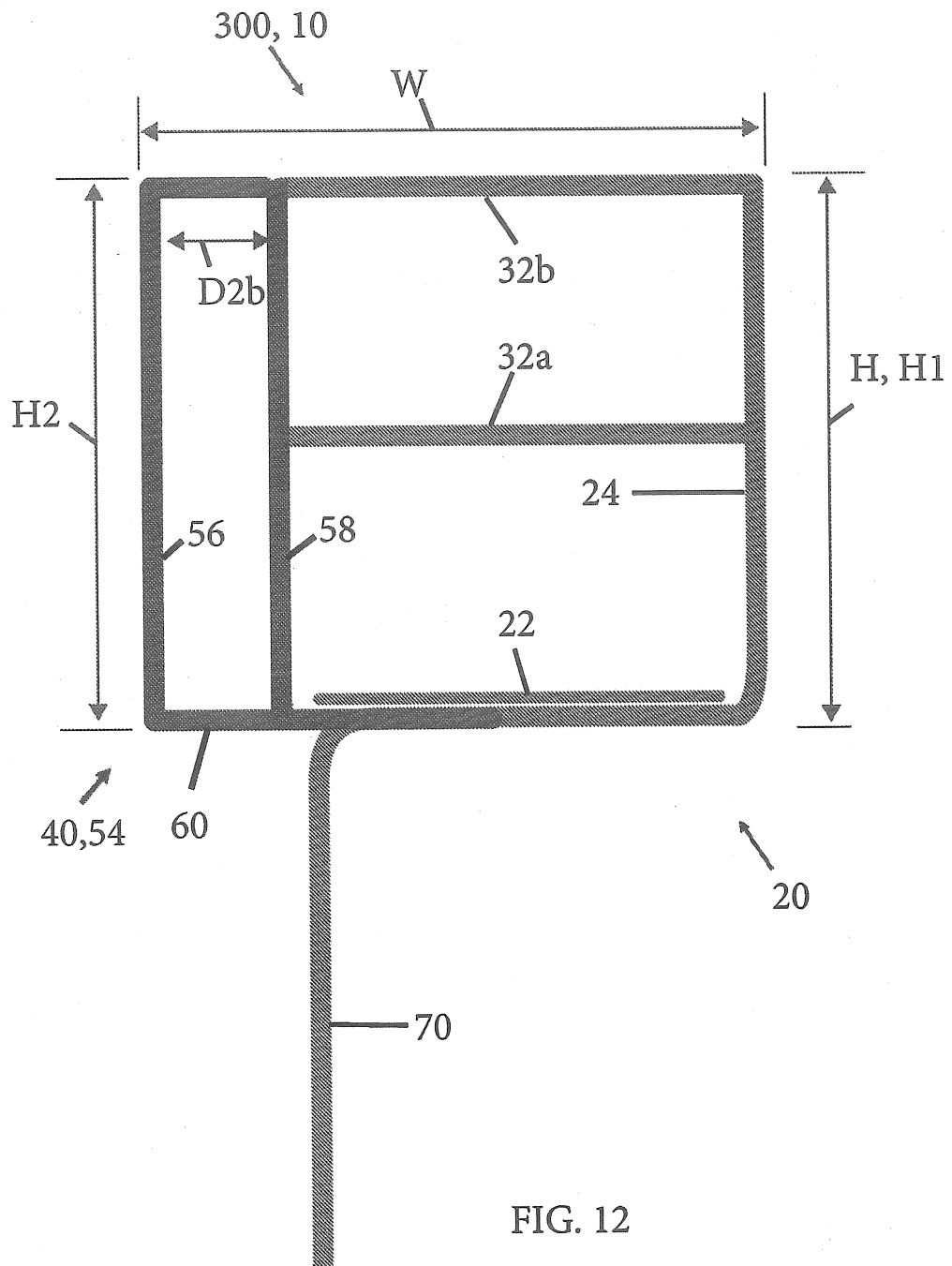
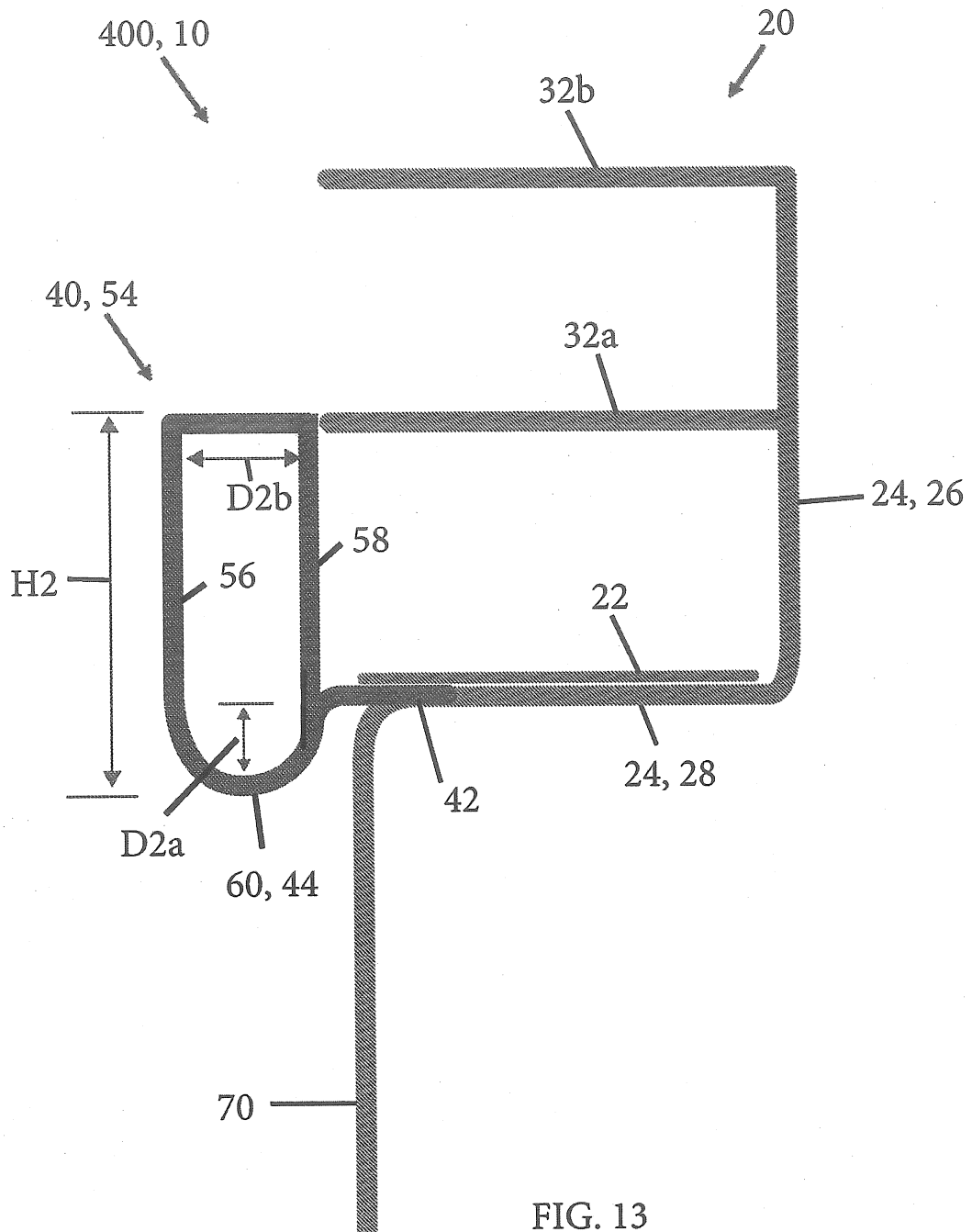


FIG. 12



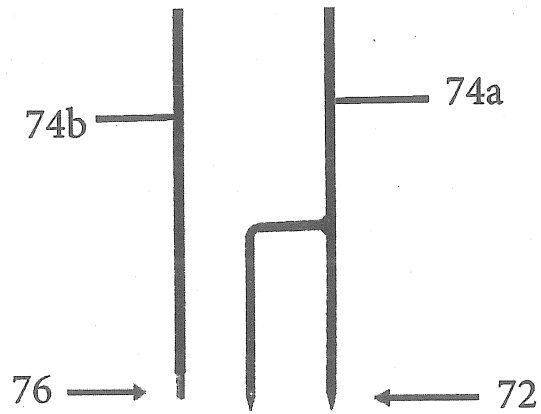


FIG. 14A

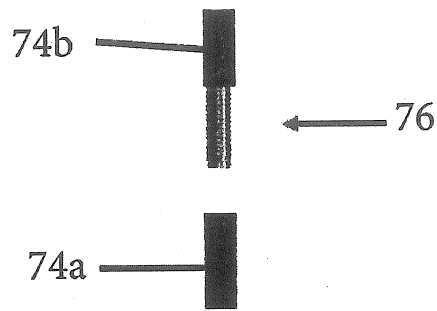


FIG. 14B

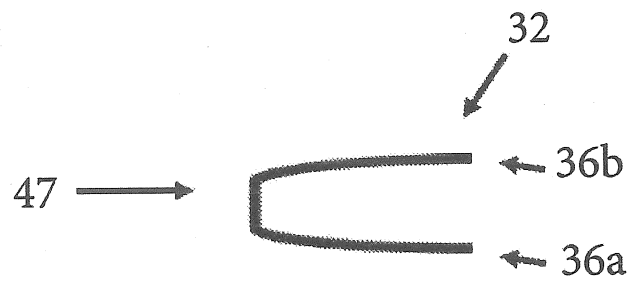


FIG. 15A

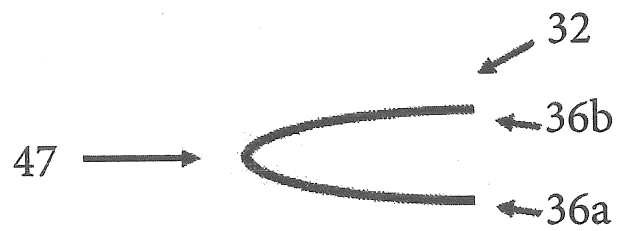


FIG. 15B

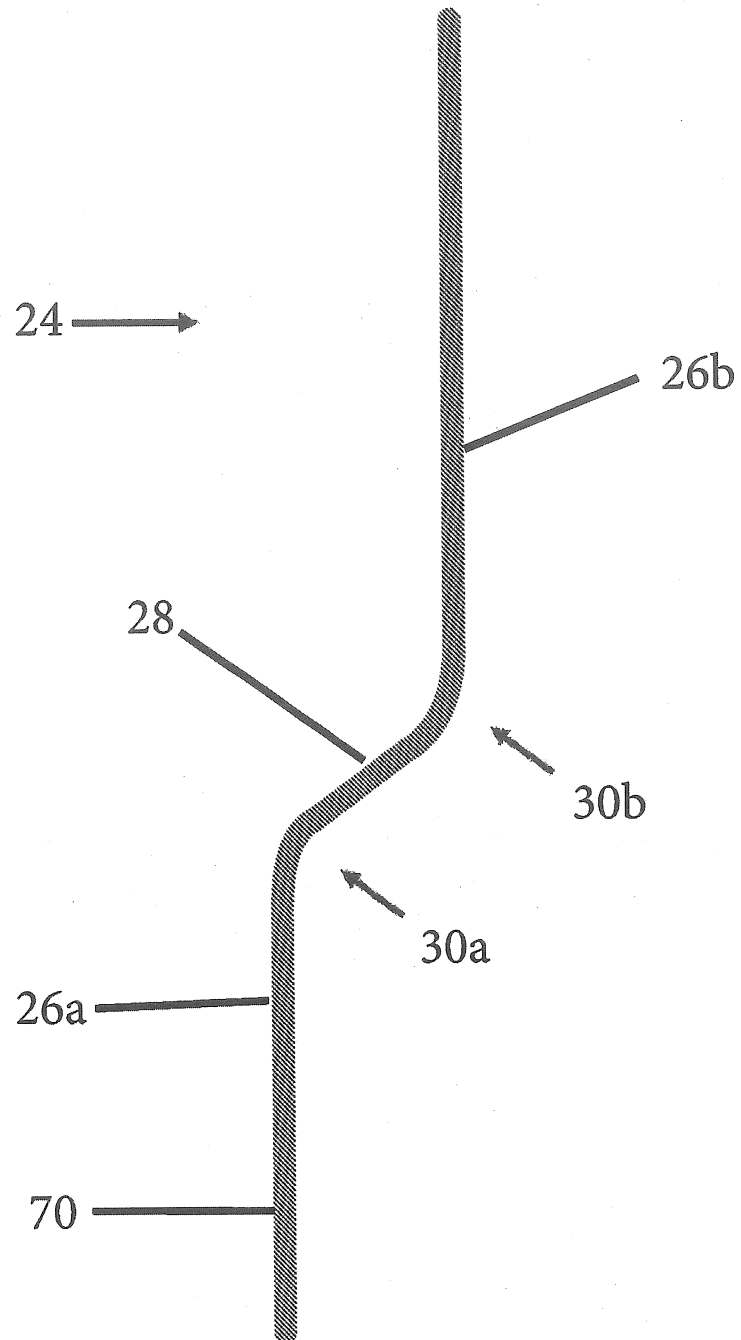


FIG. 16

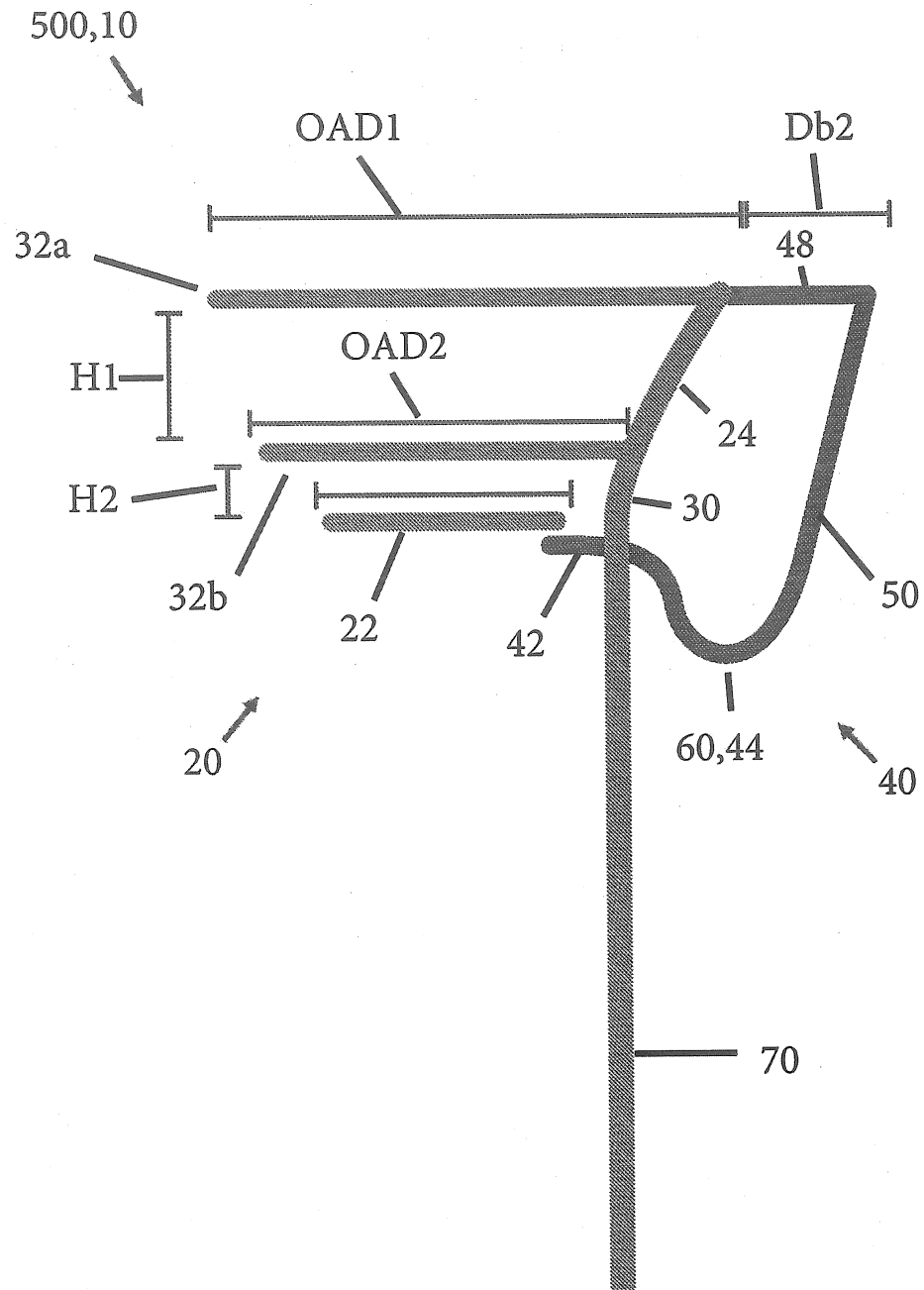


FIG. 17

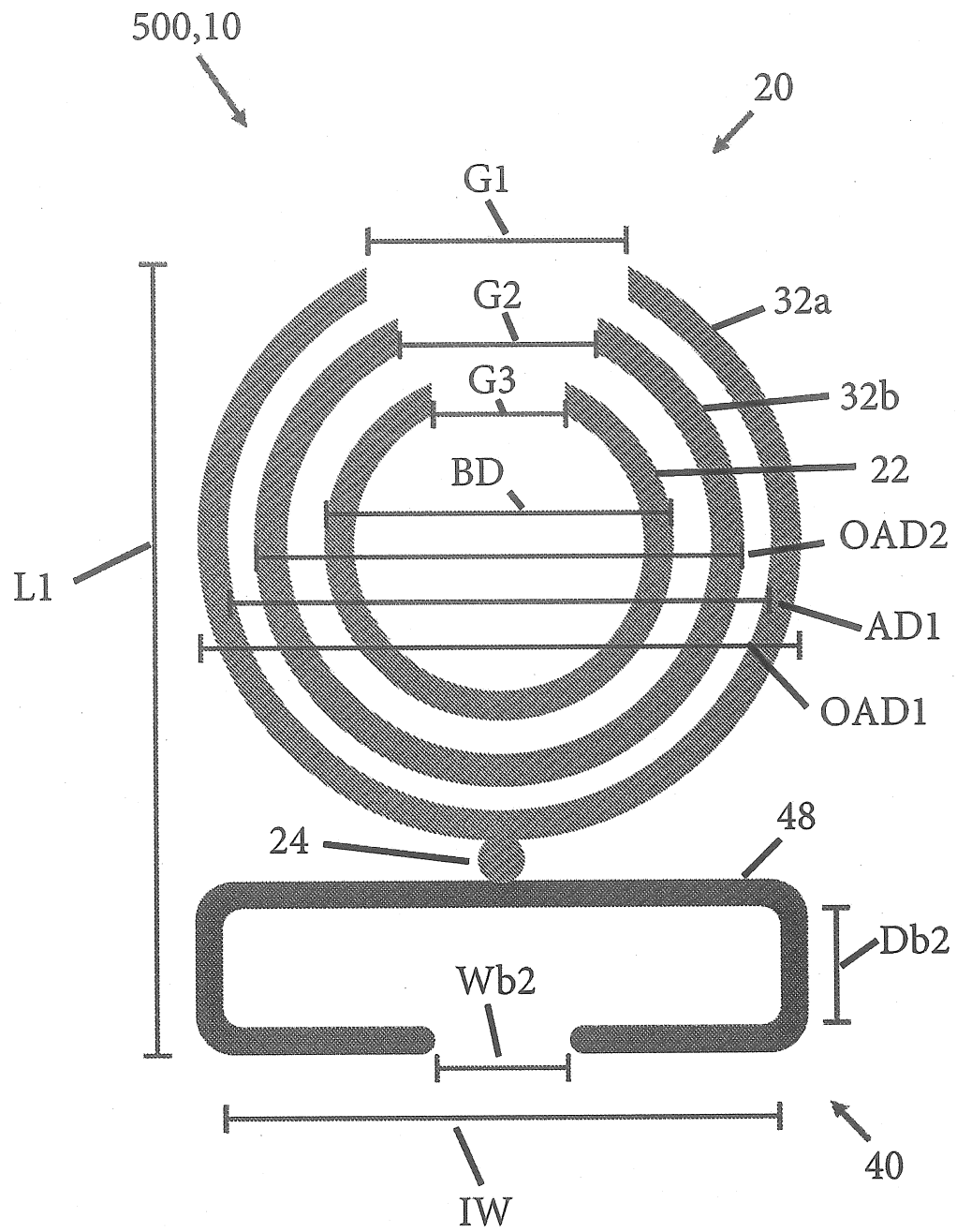
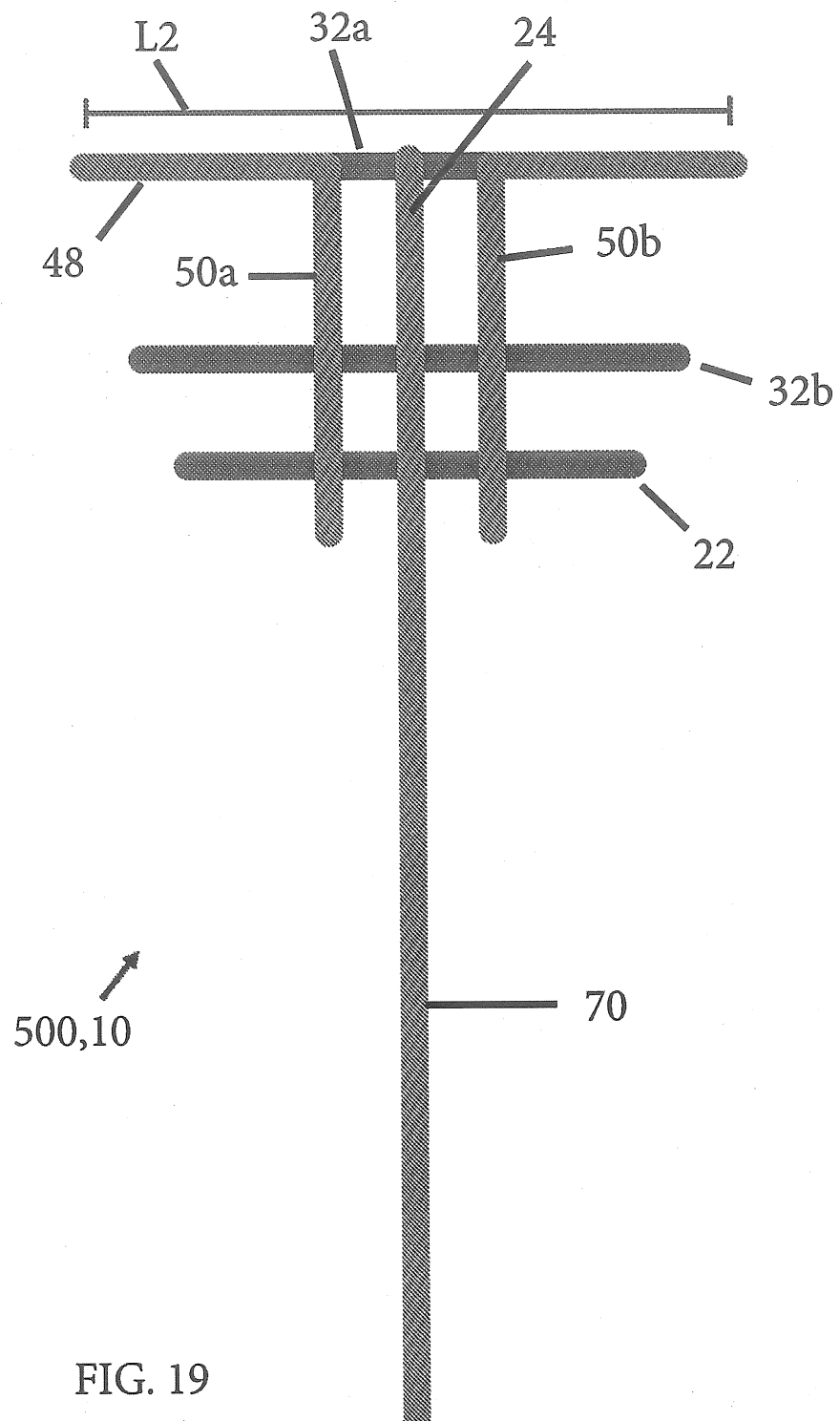


FIG. 18



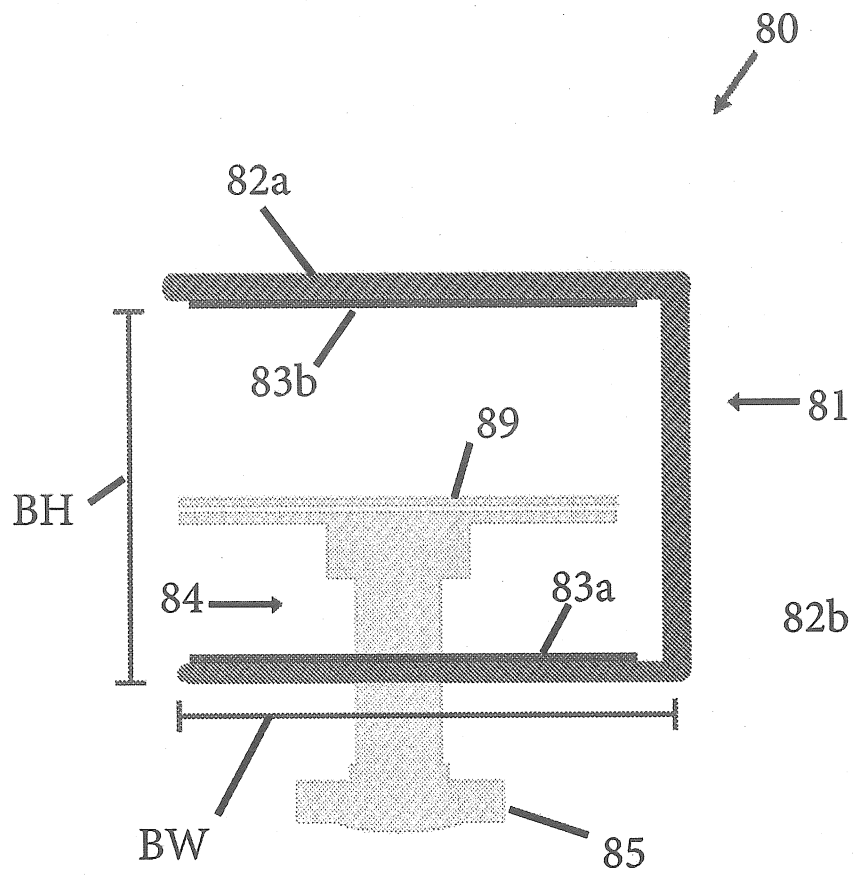


FIG. 20

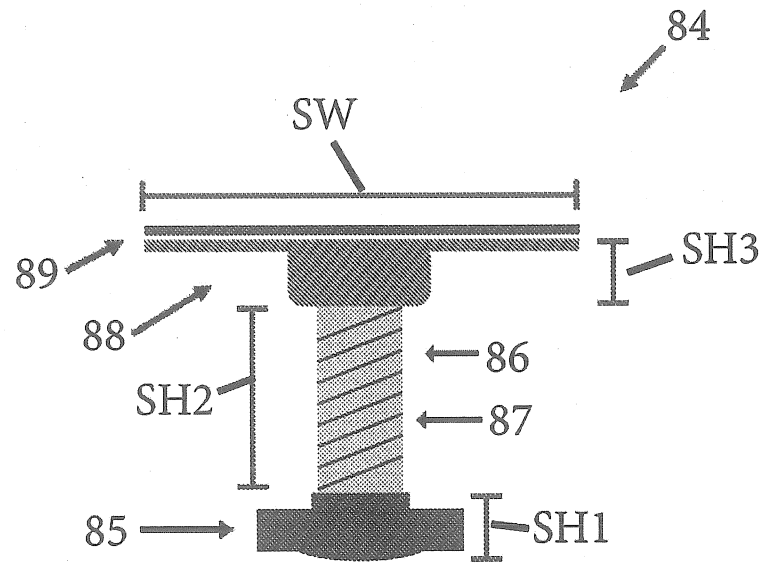


FIG. 21

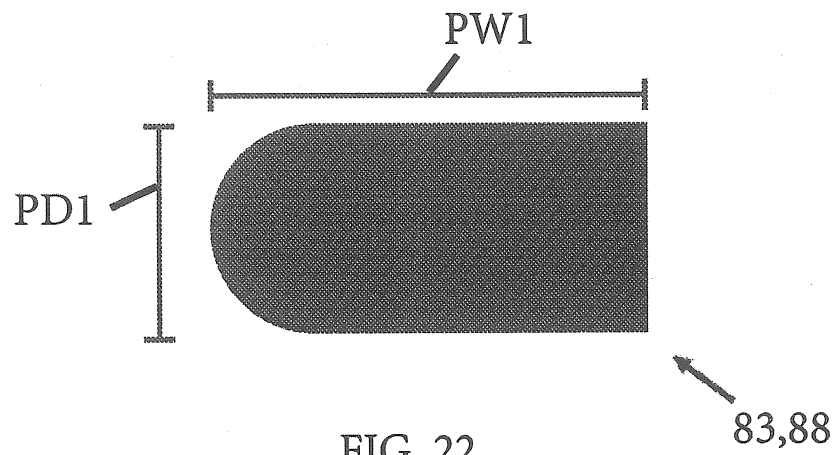


FIG. 22

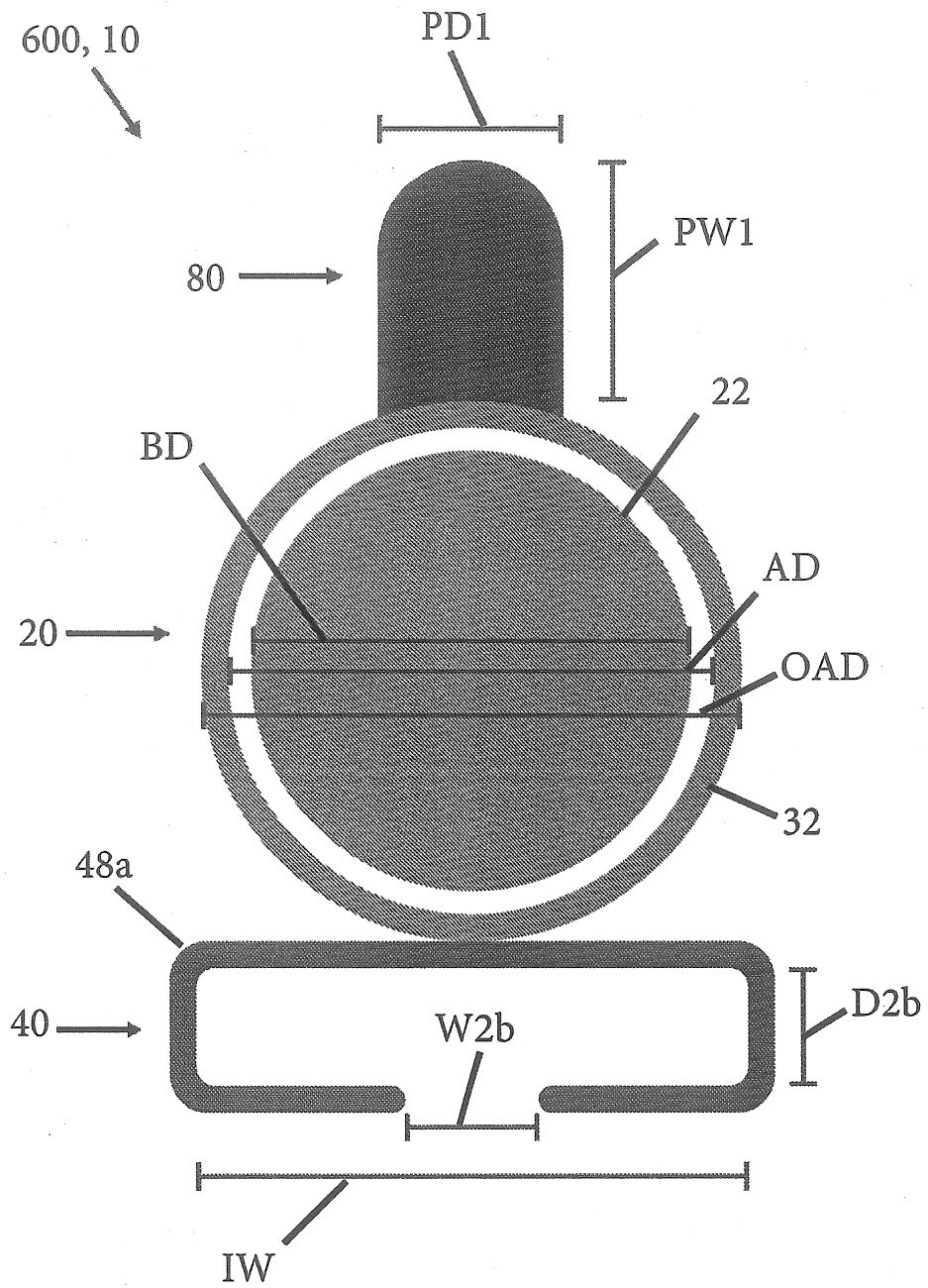


FIG. 23

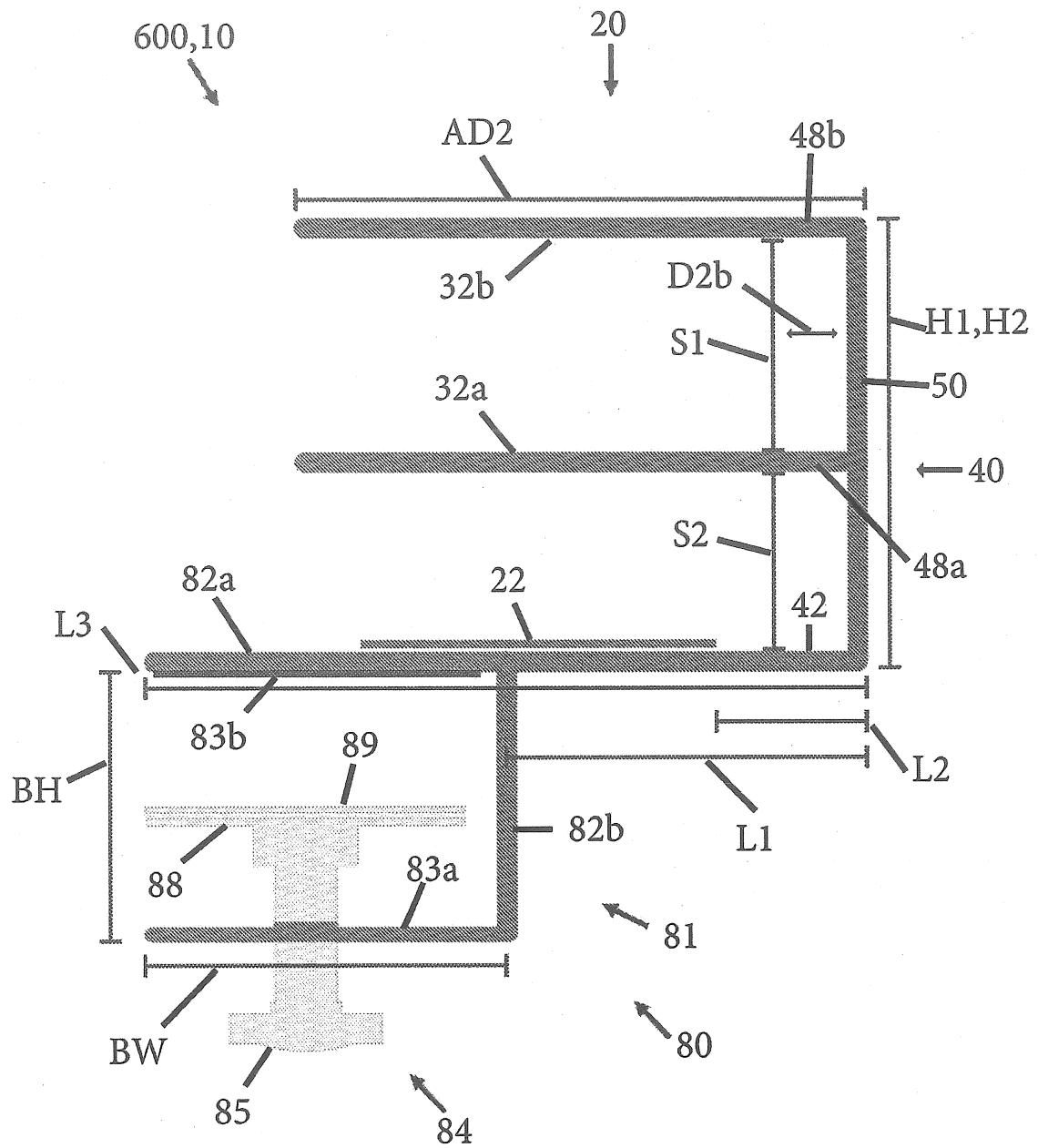


FIG. 24